

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy; vừa làm vừa học

Khoa quản lý: Quản trị kinh doanh

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Business Administration**

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy; vừa làm vừa học

Khoa quản lý: Quản trị kinh doanh

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1235 /QĐ-DCT ngày 05 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Business Administration**

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Quản trị kinh doanh

**Mã ngành đào tạo:** 7340101

**Lĩnh vực:** Kinh doanh và quản lý

**Loại hình đào tạo:** Chính quy; vừa làm vừa học

**Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học của Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET), từ năm 2020.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh sẽ giáo dục và rèn luyện những phẩm chất có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; người học có năng lực về chuyên môn quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

*Người học tốt nghiệp người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

##### a. Kiến thức

Hiểu và vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội,... trong quá trình hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn về quản trị bán hàng, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực... trong các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.

##### b. Kỹ năng

Được trang bị đầy đủ các kỹ năng quản trị cơ bản, như: kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả...; sử dụng thành thạo các kỹ

năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trong công việc; có thể sử dụng được các phần mềm hỗ trợ quản lý và có thể đàm phán được bằng tiếng Anh trong công việc.

### **c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Tuân thủ quy định pháp luật và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và xã hội; luôn trung thực và sẵn sàng tự chịu trách nhiệm trong công việc trước tập thể; duy trì tác phong công nghiệp, có thể làm việc độc lập và theo nhóm; không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn để thích ứng với môi trường làm việc; có động lực và khát khao trở thành nhà quản trị.

## **2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

*Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực (TĐNL)</b>
<b>a</b>	<b>Kiến thức</b>	
<b>PLO1</b>	<b>Vận dụng vững chắc, kiến thức chuyên môn ngành quản trị kinh doanh trong các tổ chức.</b>	<b>5</b>
PLO1.1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội... trong quản trị các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.	4
PLO1.2	Phân tích và vận dụng được các kiến thức quản trị trong hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn quản trị bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực, chất lượng... vào thực tiễn và có khả năng trở thành nhà quản trị trong tương lai.	5
<b>PLO2</b>	<b>Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</b>	<b>3</b>
PLO2.1	Áp dụng các vấn đề về an ninh quốc phòng, chủ động tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần.	3
PLO2.2	Áp dụng các vấn đề cơ bản khoa học chính trị và pháp luật.	3
PLO2.3	Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội.	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (TĐNL)
PLO3	<b>Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</b>	3
PLO3.1	Áp dụng các phần mềm vi tính văn phòng của Microsoft office.	3
PLO3.2	Áp dụng các phần mềm SPSS trong phân tích dữ liệu kinh tế, xã hội học, ứng dụng internet trong tiếp thị, marketing.	3
PLO4	<b>Xây dựng kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.</b>	4
PLO4.1	Phân tích và đánh giá được các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan (tài chính, kế toán...); giám sát và quản lý được các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng, hiệu quả.	4
PLO4.2	Xây dựng chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh và quản lý các mối quan hệ bên trong và ngoài tổ chức.	4
PLO5	<b>Áp dụng các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</b>	3
PLO5.1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý tài chính kế toán, tiền tệ, các dữ liệu thống kê ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực...	3
<b>b</b>	<b>Kỹ năng</b>	
PLO6	<b>Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong ngành quản trị kinh doanh.</b>	4
PLO6.1	Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trong công việc.	4
PLO6.2	Phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực...	4
PLO6.3	Thiết kế và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (TĐNL)
PLO7	<b>Thể hiện kỹ năng giao tiếp, quản lý, sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.</b>	3
PLO7.1	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quản lý nhằm thích ứng với sự thay đổi hành vi liên quan trong tổ chức.	3
PLO7.2	Tạo lập doanh nghiệp theo hướng sáng tạo, đổi mới thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.	3
PLO8	<b>Hình thành kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</b>	3
PLO8.1	Kết hợp các kiến thức khoa học, tự nhiên xã hội phù hợp để giải thích các vấn đề cơ bản.	3
PLO8.2	Phát triển các kỹ năng cơ bản trong ngành để phân tích, đánh giá các chiến lược, kế hoạch thay thế nhằm đáp ứng với sự thay đổi của điều kiện môi trường.	3
PLO9	<b>Thể hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</b>	3
PLO9.1	Đề ra chiến lược, đặt mục tiêu, lên kế hoạch, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng thành viên, và của nhóm.	3
PLO9.2	Xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá và chế độ khen thưởng, đào tạo, tái đào tạo...	3
PLO10	<b>Phát triển khả năng truyền đạt vấn đề và đề xuất giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ bán hàng, kinh doanh xuất nhập khẩu, tiếp thị hoặc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phức tạp.</b>	3
PLO10.1	Thể hiện năng lực thuyết trình và chuyển tải thông tin tốt đến các tổ chức qua kỹ năng giao tiếp, giao dịch trực tiếp hoặc qua truyền thông đa phương tiện.	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (TĐNL)
PLO11	<b>Áp dụng thành thạo kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</b>	4
PLO11.1	Áp dụng kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ ngoại ngữ bậc 3/6.	3
PLO11.2	Thể hiện khả năng giao tiếp, đọc và dịch được tài liệu tiếng Anh trong công việc và nghiên cứu .	4
<b>c</b>	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
PLO12	<b>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</b>	4
PLO12.1	Làm việc độc lập hoặc nhóm, sáng tạo trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc khi được cấp trên phân công.	4
PLO12.2	Sẵn sàng chịu trách nhiệm trước tập thể đối với kết quả thực hiện công việc được giao.	3
PLO13	<b>Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được giao.</b>	3
PLO13.1	Thực hiện đào tạo, huấn luyện, giám sát công việc các thành viên trong nhóm.	3
PLO14	<b>Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.</b>	4
PLO14.1	Xác định định hướng chiến lược, xây dựng và thực hiện mục tiêu cá nhân, phân tích và chứng minh được các luận điểm nhằm bảo vệ được quan điểm chuyên môn.	4
PLO15	<b>Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</b>	5
PLO15.1	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công việc chuyên môn.	3

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực (TĐNL)</b>
PLO15.2	Điều phối, bố trí các nguồn lực phù hợp yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong giới hạn trách nhiệm phụ trách.	4
PLO15.3	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện kết quả hoạt động.	5



## 2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra

TT	Mã tự quản	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HK	H/P Bắt buộc	Nhóm Kiến thức	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG							NĂNG LỰC TỰ CHỨC-TRÁCH NHIỆM			
								PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15				
1	11200003	0101000476	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	x	Đại cương	0	2	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
2	14200101	0101100822	Anh văn 1	3	2	x	Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
3	16201001	0101001703 0101001704 0101001705 0101001706 0101001707 0101001697	Giáo dục thể chất 1	2	2		Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	4	0	0	0	0
4	16200004	0101001657	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	1		Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
5	13200001	0101003931	Quản trị học	2	1	x	Cơ sở	0	0	0	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0	0	4	3	3	3	3
6	15200005	0101006622	Xác suất và thống kê trong kinh tế, dịch vụ	2	2		Toán	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
7	15200003	0101006162	Toán cao cấp C1	3	1		Toán	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
8	15200004	0101006167	Toán cao cấp C2	2	2		Toán	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
9	13200053	0101002310	Kinh tế lượng	3	1		Đại cương	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
10	11200002	0101002298	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	x	Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
11	11200005	0101001622	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	x	Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
12	14200102	0101100823	Anh văn 2	3	3	x	Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
13	01201010	0101101922	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3	1	x	Đại cương	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
14	16201002	0101001709 0101001710 0101001711 0101001712 0101001713 0101001698	Giáo dục thể chất 2	2	3		Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
15	16200005	0101001662	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	2		Đại cương	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
16	13200018	0101003185	Marketing căn bản	2	1	x	Cơ sở	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	4	0	0	0	0
17	13200004	0101002341	Kinh tế vi mô	3	1	x	Cơ sở	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	4	0



TT	Mã tự quản	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	HK	HP Bất buộc	Nhóm Kiến thức	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG								NĂNG LỰC CHỦ TRÁCH NHIỆM								
								PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15							
39	13200022	0101003793	Quan hệ công chúng	2	4		Cơ sở	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	
40	12202016	0101007965	Kế toán quản trị	3	5	x	Cơ sở	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	12202084	0101003991	Quản trị tài chính	3	5	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
42	13202041	0101003961	Quản trị nguồn nhân lực	3	5	x	Ngành	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	4
43	13202035	0101003891	Quản trị chất lượng	3	5	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
44	13202034	0101003878	Quản trị bán hàng	3	5	x	Ngành	5	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	5
45	13202039	0101003920	Quản trị dự án đầu tư	3	5	x	Ngành	0	0	3	4	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
46	13202033	0101003324	Nghề thuật lãnh đạo	3	5		Ngành	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0
47	13202048	0101100025	Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp	3	5		Ngành	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
48	13202047	0101101051	Thư tin thương mại trong kinh doanh	3	5		Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	4	0	0	0	0	0
49	13202036	0101003898	Quản trị chiến lược	3	6	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	13202043	0101004004	Quản trị thương hiệu	3	6	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	13202030	0101002886	Lập kế hoạch kinh doanh	3	6	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
52	13202083	0101102109	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	6	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	0	0	0	0	0	0	0
53	13202044	0101100023	Quản trị vận hành	3	6	x	Ngành	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
54	13202045	0101100049	Quản trị xuất nhập khẩu	3	6	x	Ngành	5	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	3	4	0	0
55	13202031	0101100039	Logistics	3	6	x	Ngành	5	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0
56	13205052	0101007133	Kiến tập	2	7	x	Chuyên ngành	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	13204054	0101007030	Thực tập nghề nghiệp	5	7	x	Chuyên ngành	5	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	3	3	0	4	0	0	0	0	0	0	5
58	13205056	0101002144	Khoa luận tốt nghiệp	8	7	x	Chuyên ngành	5	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	5
<b>Tổng số học phần đáp ứng chuẩn đầu ra</b>								14	18	3	17	8	14	5	23	8	11	10	28	14	17	16							

### 3. Khối lượng học tập

TT	Kiến thức	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Giáo dục đại cương, khoa học cơ bản	32 tín chỉ	26,5 %
2	Cơ sở ngành	38 tín chỉ	31,4 %
3	Ngành	36 tín chỉ	29,7 %
4	Chuyên ngành (bao gồm kiến thức học kỳ doanh nghiệp được bố trí giảng dạy vào học kỳ 7)	15 tín chỉ	12,4 %
<b>Tổng</b>		<b>121 tín chỉ</b>	<b>100%</b>

Khối lượng học tập trên không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

### 4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế chương trình đào tạo chính quy: 3,5 năm.

Thời gian thiết kế chương trình đào tạo vừa làm vừa học: 4,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài quy định trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh).

### 5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Cử nhân khi sinh viên đáp ứng đủ các điều kiện tốt nghiệp của trường.

### 6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành hoặc ngành gần: Xét công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng để miễn trừ các học phần khi học chương trình đào tạo này.

Người học đang học đại học ngành khác tại Trường thỏa mãn các điều kiện trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường: Xét công nhận các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo ngành thứ nhất để xem xét miễn học các học phần trong chương trình đào tạo của ngành này khi học ngành thứ hai theo chương trình đào tạo này.

Người học có bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất ngành khác: Xét công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng để miễn trừ các học phần khi học văn bằng đại học thứ hai theo chương trình đào tạo này.

## **7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập**

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh).

## **8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

Quy chế đào tạo: Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh).

Đạt chuẩn kỹ năng về ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 2212/QĐ-DCT ngày 19/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh).

Đạt chuẩn kiến thức về công nghệ thông tin: Có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao (Ban hành kèm theo Quyết định số 1201/QĐ-DCT ngày 17/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin đối với sinh viên, học viên không chuyên ngành CNTT của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh).

## **9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Nhân viên kinh doanh, trưởng phòng kinh doanh, nhân viên marketing, chuyên viên marketing, chuyên viên sự kiện, quản lý nhân sự, quản trị văn phòng, nhân viên chăm sóc khách hàng, quản lý chuỗi cung ứng, tư vấn kinh doanh, chuyên viên phân tích, nghiên cứu thị trường...

## **10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, ngành Quản trị kinh doanh người học có thể nâng cao trình tiếp tục theo học ở các bậc thạc sỹ, tiến sĩ để nâng cao trình độ.

## 11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản</b>				<b>32 (29,3)</b> <i>(Không tính khối lượng kiến thức các học phần GDTC, GDQP-AN)</i>	
<b>Kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản bắt buộc</b>				<b>25 (22,3)</b>	
1	0101100651	11200001	Triết học Mác – Lê nin	3 (3,0)	
2	0101002298	11200002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 (2,0)	(a) 0101100651
3	0101000476	11200002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0)	(a) 0101100651
4	0101006322	11200005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)	
5	0101001625	11200004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0)	
6	0101003671	11200006	Pháp luật đại cương	2 (2,0)	
7	0101100822	14200101	Anh văn 1	3 (3,0)	
8	0101100823	14200102	Anh văn 2	3 (3,0)	(a) 0101100823
9	0101100824	14200103	Anh văn 3	3 (3,0)	(a) 0101100823, (a) 0101100824
10	0101101922	01201010	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3 (0,3)	
11	0101001703 0101001704 0101001705 0101001706 0101001707 0101001697	16201001	Giáo dục thể chất 1	2 (2,0)	Không tính tín chỉ tích lũy
12	0101001709 0101001710 0101001711 0101001712 0101001713 0101001698	16201002	Giáo dục thể chất 2	2 (2,0)	Không tính tín chỉ tích lũy (a) 0101001703, (a) 0101001704, (a) 0101001705, (a) 0101001706, (a) 0101001707, (a) 0101001697
13	0101001714 0101001715 0101001716 0101001717	16201003	Giáo dục thể chất 3	1 (0,1)	Không tính tín chỉ tích lũy (a) 0101001703, (a) 0101001704,

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
	0101001699 0101001700				(a) 0101001705, (a) 0101001706, (a) 0101001707, (a) 0101001697 (a) 0101001709, (a) 0101001710, (a) 0101001711, (a) 0101001712, (a) 0101001713, (a) 0101001698
14	0101001657	16200004	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3 (3,0)	Không tính tín chỉ tích lũy
15	0101001662	16200005	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2 (2,0)	Không tính tín chỉ tích lũy (a) 0101001657
16	0101001669	16200006	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1 (0,1)	Không tính tín chỉ tích lũy (a) 0101001657, (a) 0101001661
17	0101001677	16200007	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2 (0,2)	Không tính tín chỉ tích lũy (a) 0101001657, (a) 0101001661, (a) 0101001673
<b>Kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản tự chọn</b> (Chọn tối thiểu 1 học phần nhóm A và 2 học phần ở nhóm B)				<b>7 (7,0)</b>	
<b>Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
18	0101100417	13200010	Tâm lý học kinh doanh	2 (2,0)	
19	0101002400	07200444	Kỹ năng giao tiếp	2 (2,0)	
<b>Nhóm B (Chọn tối thiểu 2 học phần)</b>				<b>5 (5,0)</b>	
20	0101006622	15200005	Xác suất và thống kê trong kinh tế, dịch vụ	2 (2,0)	(a) 0101006162
21	0101006162	15200003	Toán cao cấp C1	3 (3,0)	(c) 0101006167
22	0101006167	15200004	Toán cao cấp C2	2 (2,0)	
23	0101002310	13200053	Kinh tế lượng	3 (3,0)	
<b>II. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>38 (36,2)</b>	
<b>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>				<b>33 (31,2)</b>	
24	0101003931	13200001	Quản trị học	2 (2,0)	
25	0101003185	13200018	Marketing căn bản	2 (2,0)	
26	0101002341	13200004	Kinh tế vi mô	3 (3,0)	
27	0101002349	13200005	Kinh tế vĩ mô	3 (3,0)	(a) 0101002341

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
28	0101003428	12200005	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)	
29	0101007909	13202046	Thống kê ứng dụng	3 (2,1)	(a) 0101002341
30	0101007965	12202016	Kế toán quản trị	3 (3,0)	(b) 0101006162, (b) 0101006167, (b) 0101006622, (a) 0101002341
31	0101101026	13200014	Hành vi người tiêu dùng	3 (3,0)	(a) 0101003185
32	0101100040	13200016	Internet marketing	3 (3,0)	(b) 0101100040, (a) 0101101026
33	0101102123	13202084	Nghiên cứu thị trường	3 (2,1)	
34	0101003575	13200020	Phân tích hoạt động kinh doanh	3 (3,0)	(a) 0101007909, (a) 0101002341
35	0101001737	13200015	Hành vi tổ chức	2 (2,0)	
<b>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b> (Chọn tối thiểu 1 học phần nhóm A và 1 học phần nhóm B)				<b>5 (5,0)</b>	
<b>Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>3 (3,0)</b>	
36	0101003104	12200052	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3 (3,0)	
37	01011004550	12200071	Thị trường tài chính	3 (3,0)	(c) 0101002341, (c) 0101002349, (c) 0101003428, (c) 0101003104
<b>Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
38	0101100038	13200012	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)	
39	0101002398	13200017	Kỹ năng đàm phán	2 (2,0)	(a) 0101002400, (a) 0101100659, (a) 0101100049
40	0101003793	13200022	Quan hệ công chúng	2 (2,0)	
<b>III. Kiến thức ngành</b>				<b>36 (25,11)</b>	
<b>Kiến thức ngành bắt buộc</b>				<b>34 (23,11)</b>	
41	0101003991	12202084	Quản trị tài chính	3 (2,1)	
42	0101003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)	(a) 0101003931
43	0101003898	13202036	Quản trị chiến lược	3 (2,1)	(a) 0101003931
44	0101003891	13202035	Quản trị chất lượng	3 (2,1)	
45	0101003878	13202034	Quản trị bán hàng	3 (2,1)	(a) 0101003185, (a) 0101101026
46	0101003920	13202039	Quản trị dự án đầu tư	3 (2,1)	(a) 0101003991, (a) 0101004182, (c) 0101003891



TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
47	0101004004	13202043	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	(b) 0101003185
48	0101002886	13202030	Lập kế hoạch kinh doanh	3 (2,1)	(a) 0101003961, (a) 0101003991, (a) 0101003898, (a) 0101003575
49	0101102109	13202083	Quản trị kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	
50	0101100023	13202044	Quản trị vận hành	3 (2,1)	
51	0101100049	13202045	Quản trị xuất nhập khẩu	3 (2,1)	(a) 0101100051
52	0101100039	13202031	Logistics	3 (2,1)	(b) 0101002324, (b) 0101003039, (a) 0101100049
<b>Kiến thức ngành tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (1,1)</b>	
53	0101003324	13202033	Nghệ thuật lãnh đạo	2 (1,1)	
54	0101100025	13202048	Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp	2 (1,1)	
55	0101100051	13202047	Thư tín thương mại trong kinh doanh	2 (1,1)	
<b>IV. Kiến thức chuyên ngành (học kỳ doanh nghiệp)</b>				<b>15 (0,15)</b>	
<b>Kiến thức chuyên ngành (học kỳ doanh nghiệp)</b>				<b>15 (0,15)</b>	
56	0101007133	13205052	Kiến tập	2 (0,2)	(a) tất các học phần cơ sở và học phần ngành (c) 0101007030, (c) 0101002144
57	0101007030	13205054	Thực tập nghề nghiệp	5 (0,5)	(a) tất các học phần cơ sở và học phần ngành (c) 0101007133
58	0101002144	13205056	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	(a) tất các học phần cơ sở và học phần ngành (c) 0101007133, (c) 0101002144
<b>Tổng số tín chỉ lý thuyết (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</b>				<b>88</b>	
<b>Tổng số tín chỉ thực hành, thực tập (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</b>				<b>33</b>	
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</b>				<b>121</b>	

## 12. Kế hoạch đào tạo

### 12.1. Kế hoạch đào tạo chính quy

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 16 tín chỉ tích lũy + 3 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>13 (10,3)</b>	
1	0101100651	11200001	Triết học Mác-Lênin	3 (3,0)	
2	0101002341	13200004	Kinh tế vi mô	3 (3,0)	
3	0101101922	01202010	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3 (0,3)	
4	0101002298	11200002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 (2,0)	
5	0101003931	13200001	Quản trị học	2 (2,0)	
6	0101001657	16200004	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3 (3,0)	Không tích lũy
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>3 (3,0)</b>	
7	0101006162	15200003	Toán cao cấp C1	3 (3,0)	
8	0101002310	13200053	Kinh tế lượng	3 (3,0)	
<b>Học kỳ 2: 16 tín chỉ tích lũy + 4 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>14 (14,0)</b>	
1	0101001703 0101001704 0101001705 0101001706 0101001707 0101001697	16201001	Giáo dục thể chất 1	2 (2,0)	Không tích lũy
2	0101000094	11200004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0)	
3	0101000476	11200003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0)	
4	0101003671	11200006	Pháp luật đại cương	2 (2,0)	
5	0101001661	16200005	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2 (2,0)	Không tích lũy
6	0101003185	13200018	Marketing căn bản	2 (2,0)	
7	0101100822	14200201	Anh văn 1	3 (3,0)	
8	0101002349	13200005	Kinh tế vĩ mô	3 (3,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
9	0101006622	15200005	Xác suất và thống kê trong kinh tế, dịch vụ	2 (2,0)	
10	0101006167	15200004	Toán cao cấp C2	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 3: 18 tín chỉ tích lũy + 3 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>13 (13,0)</b>	
1	0101100822	14200202	Anh văn 2	3 (3,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
2	0101001709 0101001710 0101001711 0101001712 0101001713 0101001698	16201002	Giáo dục thể chất 2	2 (2,0)	Không tích lũy
3	101001673	16200006	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1 (0,1)	Không tích lũy
4	0101001622	11200005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)	
5	0101003428	12200005	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)	
6	0101101026	13200014	Hành vi người tiêu dùng	3 (3,0)	
7	0101001737	13200015	Hành vi tổ chức	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần nhóm A và 1 học phần nhóm B)</b>				<b>5 (5,0)</b>	
<b>Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
8	0101100417	13200010	Tâm lý học kinh doanh	2 (2,0)	
9	0101002400	07200444	Kỹ năng giao tiếp	2 (2,0)	
<b>Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>3 (3,0)</b>	
10	0101003104	12200035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3 (3,0)	
11	0101004550	12200035	Thị trường tài chính	3 (3,0)	
<b>Học kỳ 4: 17 tín chỉ tích lũy + 3 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>15 (13,2)</b>	
1	0101100823	14200203	Anh văn 3	3 (3,0)	
2	0101001714 0101001715 0101001716 0101001717 0101001699 0101001700	16201003	Giáo dục thể chất 3	1 (0,1)	Không tích lũy
3	0101001676	16200007	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2 (0,2)	Không tích lũy
4	0101007909	13202046	Thống kê ứng dụng	3 (2,1)	
5	0101100040	13200016	Internet marketing	3 (3,0)	
6	0101102123	13202084	Nghiên cứu thị trường	3 (2,1)	
7	0101001737	13200020	Phân tích hoạt động kinh doanh	3 (3,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
8	0101100038	13200012	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)	
9	0101002398	13200017	Kỹ năng đàm phán	2 (2,0)	
10	0101003793	13200022	Quan hệ công chúng	2 (2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 5: 20 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>18 (13,5)</b>	
1	0101007965	12202016	Kế toán quản trị	3 (3,0)	
2	0101003991	12202084	Quản trị tài chính	3 (2,1)	
3	0101003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)	
4	0101003891	13202035	Quản trị chất lượng	3 (2,1)	
5	0101003878	13202034	Quản trị bán hàng	3 (2,1)	
6	0101003920	13202039	Quản trị dự án đầu tư	3 (2,1)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (1,1)</b>	
7	0101003324	13202033	Nghệ thuật lãnh đạo	2 (1,1)	
8	0101100025	13202048	Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp	2 (1,1)	
9	0101100035	13202047	Thư tín thương mại trong kinh doanh	2 (1,1)	
<b>Học kỳ 6: 19 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
1	0101003898	13202036	Quản trị chiến lược	3 (2,1)	
2	0101004004	13202043	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	
3	0101002886	13202030	Lập kế hoạch kinh doanh	3 (2,1)	
4	0101102112	13202083	Quản trị kinh doanh quốc tế	2 (1,1)	
5	0101100023	13202044	Quản trị vận hành	3 (2,1)	
6	0101100049	13202045	Quản trị xuất nhập khẩu	3 (2,1)	
7	0101100039	13202031	Logistics	3 (2,1)	
<b>Học kỳ 7: Học kỳ doanh nghiệp: 15 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
1	0101007133	13205052	Kiến tập	2 (0,2)	
2	0101007030	13204054	Thực tập nghề nghiệp	5 (0,5)	
3	0101002144	13205056	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	

12.2. Kế hoạch đào tạo vừa làm vừa học

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 10 tín chỉ tích lũy + 5 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>5 (10,3)</b>	
1	0101100651	11200001	Triết học Mác-Lênin	3 (3,0)	
2	0101002298	11200002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 (2,0)	
3	0101001703 0101001704 0101001705 0101001706 0101001707 0101001697	16201001	Giáo dục thể chất 1	2 (2,0)	Không tích lũy
4	0101001657	16200004	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3 (3,0)	Không tích lũy
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần nhóm A và 1 học phần nhóm B)</b>				<b>5 (5,0)</b>	
<b>Nhóm A (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
5	0101006622	15200005	Xác suất thống kê trong kinh tế, dịch vụ	2 (2,0)	
6	0101006167	15200004	Toán cao cấp C2	2 (2,0)	
<b>Nhóm B (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>3 (3,0)</b>	
7	0101006162	15200003	Toán cao cấp C1	3 (3,0)	
8	0101002310	13200053	Kinh tế lượng	3 (3,0)	
<b>Học kỳ 2: 13 tín chỉ tích lũy + 4 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>10 (7,3)</b>	
1	0101000476	11200003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0)	
2	0101001622	11200005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)	
3	0101100822	14200201	Anh văn 1	3 (3,0)	
4	0101101922	01202010	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3 (0,3)	
5	0101001709 0101001710 0101001711 0101001712 0101001713 0101001698	16201002	Giáo dục thể chất 2	2 (2,0)	Không tích lũy
6	0101001661	16200005	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2 (2,0)	Không tích lũy
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>3 (3,0)</b>	
7	0101003104	12200035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3 (3,0)	
8	0101004550	12200071	Thị trường tài chính	3 (3,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 3: 14 tín chỉ tích lũy + 2 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>12 (11,1)</b>	
1	0101100823	14200202	Anh văn 2	3 (3,0)	
2	0101007909	13202046	Thống kê ứng dụng	3 (2,1)	
3	0101001714 0101001715 0101001716 0101001717 0101001699 0101001700	16201003	Giáo dục thể chất 3	1 (0,1)	Không tích lũy
4	0101001673	16200006	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1 (1,0)	Không tích lũy
5	0101002349	13200005	Kinh tế vĩ mô	3 (3,0)	
6	0101003428	12200005	Nguyên lý kế toán	3 (3,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
7	0101100417	13200010	Tâm lý học kinh doanh	2 (2,0)	
8	0101002400	07200444	Kỹ năng giao tiếp	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 4: 14 tín chỉ tích lũy + 2 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>12 (12,0)</b>	
1	0101000094	11200004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0)	
2	0101001676	16200007	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2 (2,0)	Không tích lũy
3	0101002341	13200004	Kinh tế vi mô	3 (3,0)	
5	0101100824	14200203	Anh văn 3	3 (3,0)	
2	0101003671	11200006	Pháp luật đại cương	2 (2,0)	
6	0101003931	13200001	Quản trị học	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (2,0)</b>	
7	0101100038	13200012	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2 (2,0)	
8	0101002398	13200017	Kỹ năng đàm phán	2 (2,0)	
9	0101003793	13200022	Quan hệ công chúng	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 5: 13 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>11 (10,1)</b>	
1	0101003185	13200018	Marketing căn bản	2 (2,0)	
2	0101102123	13202084	Nghiên cứu thị trường	3 (2,1)	
4	0101101026	13200014	Hành vi người tiêu dùng	3 (3,0)	
4	0101100040	13200016	Internet marketing	3 (3,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)</b>				<b>2 (1,1)</b>	
5	0101100025	13202048	Tổ chức tiền lương trong doanh	2 (1,1)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
			ngiệp		
6	0101101051	13202047	Thư tín thương mại trong kinh doanh	2 (1,1)	
<b>Học kỳ 6: 14 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>12 (9,3)</b>	
1	0101003991	12202084	Quản trị tài chính	3 (2,1)	
2	0101003961	13202041	Quản trị nguồn nhân lực	3 (2,1)	
3	0101003878	13202034	Quản trị bán hàng	3 (2,1)	
4	0101007965	12202016	Kế toán quản trị	3 (3,0)	
<b>Học phần tự chọn</b>				<b>2 (1,1)</b>	
5	0101003324	13202033	Nghệ thuật lãnh đạo	2 (1,1)	
<b>Học kỳ 7: 14 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
1	0101003920	13202039	Quản trị dự án đầu tư	3 (2,1)	
2	0101003891	13202035	Quản trị chất lượng	3 (2,1)	
3	0101003898	13202036	Quản trị chiến lược	3 (2,1)	
4	0101003575	13200020	Phân tích hoạt động kinh doanh	3 (3,0)	
5	0101004004	13202043	Quản trị thương hiệu	2 (1,1)	
<b>Học kỳ 8: 14 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
1	0101100023	13202044	Quản trị vận hành	3 (2,1)	
2	0101100049	13202045	Quản trị xuất nhập khẩu	3 (2,1)	
3	0101100039	13202031	Logistics	3 (2,1)	
4	0101002886	13202030	Lập kế hoạch kinh doanh	3 (2,1)	
5	0101001737	13200015	Hành vi tổ chức	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 9: Học kỳ doanh nghiệp: 15 tín chỉ tích lũy + 0 tín chỉ không tích lũy</b>					
1	0101007133	13205052	Kiến tập	2 (0,2)	
2	0101007030	13205054	Thực tập nghề nghiệp	5 (0,5)	
3	0101002144	13205056	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0,8)	

### 13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện đúng, đủ theo Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo đã được phê duyệt phù hợp với Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

### 14. Hướng dẫn thực hiện

#### 14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn người học đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

#### **14.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương của học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘Học tập chủ động, làm việc sáng tạo’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

#### **14.3. Đối với người học**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giảng viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu đề cương học phần, giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi đến lớp để tiếp thu bài giảng được tốt nhất.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn hoặc bài giảng của giảng viên.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.



- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá.

**15. Phê duyệt chương trình đào tạo**

TP. HCM, ngày 22 tháng 8 năm 2022

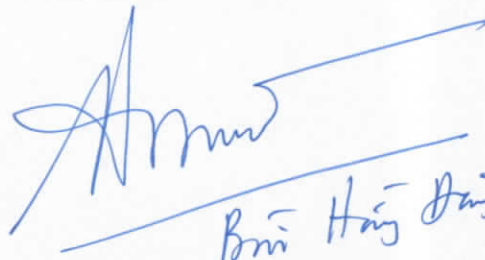
**P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT**



PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

TP. HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**TRƯỞNG KHOA**



TP. HCM, ngày 05 tháng 9 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Hoàn

## MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo .....	1
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	2
3. Khối lượng học tập .....	10
4. Thời gian đào tạo .....	10
5. Văn bằng tốt nghiệp.....	10
6. Chuẩn đầu vào .....	10
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	11
8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp .....	11
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp .....	11
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	11
11. Nội dung chương trình đào tạo.....	11
12. Kế hoạch đào tạo .....	16
13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo.....	21
14. Hướng dẫn thực hiện .....	21
15. Phê duyệt chương trình đào tạo .....	23



**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**



**PHỤ LỤC 1 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1235/QĐ-DCT ngày 05 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**



**PHỤ LỤC 1 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1235/QĐ-DCT ngày 05 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2022**

## **PHỤ LỤC 1.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Căn cứ pháp lý**

#### **1. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động;
- Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình giáo dục môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;
- Căn cứ Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-DCT ngày 22/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Căn cứ Quyết định 2212/QĐ-DCT ngày 19/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học;
- Căn cứ Quyết định 1201/QĐ-DCT ngày 17/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định Chuẩn kỹ

năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) đối với sinh viên, học viên không chuyên ngành CNTT;

- Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-DCT ngày 05/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về điều kiện, quy trình, hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành trình độ đại học;

## **2. Căn cứ thực tiễn**

- *Nhu cầu của xã hội về nhân lực ngành Quản trị kinh doanh*
- *Số liệu, giải thích, phân tích số liệu khảo sát chuẩn đầu ra và các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp có sử dụng lao động cùng ngành và các bên liên quan, ... ..*
- *Số liệu, giải thích, phân tích số liệu khảo sát chương trình khung đào tạo và các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp có sử dụng lao động cùng ngành và các bên liên quan,*
- *Đã tham khảo, đối sánh (có bảng đối sánh kèm theo) chương trình đào tạo cùng ngành của các trường: Đại học Kinh tế, Đại học Công Nghiệp TP. HCM, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học National Taiwan Normal University*
- *Các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp có sử dụng lao động cùng ngành.*
- *Năng lực đào tạo của Khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh*

...

## PHỤ LỤC 1.2. THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

### 1. Thang đánh giá chuẩn kiến thức (PLO<sub>1-5</sub>)

Mức độ đáp ứng		Diễn giải	Từ dùng để mô tả mức độ
1	<b>Nhớ/Biết</b>	Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	Ghi nhớ, liệt kê, gọi tên, nhận biết, nhận dạng, nhớ lại, xác định, phân loại, mô tả, định vị, phác thảo, nêu ví dụ, trình bày, nêu, giới thiệu, chỉ ra,...
2	<b>Hiểu</b>	Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát	Tóm tắt, giải thích, diễn dịch, mô tả, so sánh, chuyển đổi, ước lượng, diễn giải, phân biệt, chứng tỏ, hình dung, trình bày lại, viết lại, lấy/cho ví dụ,...
3	<b>Áp dụng</b>	Áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, điều kiện mới	Giải quyết, minh họa, tính toán, diễn dịch, thao tác, dự đoán, bày tỏ, áp dụng, phân loại, sửa đổi, đưa vào thực tế, chứng minh, ước tính, vận hành,...
4	<b>Phân tích</b>	Chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	Phân tích, tổ chức, suy luận, lựa chọn, vẽ biểu đồ, phân biệt, đối chiếu, so sánh, chỉ ra sự khác biệt, phân loại, phác thảo, liên hệ,...
5	<b>Đánh giá, Sáng tạo</b>	Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí; Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có.	Đánh giá, cho ý kiến, bình luận, tổng hợp, so sánh, ...; Thiết lập, tổng hợp, xây dựng, thiết kế, đề xuất, sáng tác,...

### 2. Thang đánh giá kỹ năng cảm xúc (PLO<sub>6-11</sub>)

Mức độ đáp ứng		Diễn giải	Từ dùng để mô tả mức độ
1	Tiếp nhận	Tiếp thu hoặc chú tâm vào giá trị	Được tiếp xúc với, lắng nghe ý kiến, nhận thức được
2	Phản hồi	Làm việc, tham gia vào việc hình thành giá trị	Chấp nhận, hình thành thói quen, tham gia, đóng góp
3	Hình thành giá trị	Cam kết thực hiện giá trị	Cam kết, tuân thủ, nhận xét, thảo luận, chia sẻ ý kiến, có khả năng hình thành giá trị
4	Tổ chức	Có nhận thức/tổ chức hệ thống giá trị	Thiết lập, thể hiện niềm tin, thích ứng, tổ chức thành hệ thống, đáp ứng
5	Đặc trưng hóa	Tích hợp, xây dựng thành hệ thống giá trị của bản thân	Thiết lập, tổng hợp, xây dựng, thiết kế, sáng tác, đề xuất

### 3. Thang đánh giá kỹ năng hành vi (PLO<sub>6-11</sub>)



Mức độ đáp ứng		Diễn giải	Từ dùng để mô tả mức độ
1	<b>Nhận thức, thiết lập</b>	Quan sát và làm rập khuôn được.	Nhận thức được, tạo thành thói quen (kỹ năng mềm)...; Làm theo được, lặp lại được, thực hành (kỹ năng hành vi)...
2	<b>Làm theo hướng dẫn</b>	Biết cách làm và tự làm được.	Thực hiện được, thể hiện được, làm được...; tuân thủ các yêu cầu...
3	<b>Làm thuần thục</b>	Thực hiện một cách chính xác	Áp dụng chính xác, thực hiện chính xác, thể hiện đúng, làm đúng... các kỹ năng
4	<b>Làm thành thạo kỹ năng phức tạp; Thích ứng</b>	Thực hiện một cách chính xác công việc, có thể phối hợp các kỹ năng.	Áp dụng thành thạo, phối hợp được, kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp, thể hiện thuần thục... các kỹ năng đã học vào thực tế; thích ứng được các kỹ năng mới...
5	<b>Sáng chế</b>	Thực hiện công việc chính xác với tốc độ cao, thuần thục; có phần sáng tạo	Tạo ra được, thiết kế được... sản phẩm/quá trình/quy trình/hệ thống... phù hợp yêu cầu, kết hợp được các kỹ năng đã học... để giải quyết một vấn đề thực tiễn...

#### 4. Thang đánh giá trình độ năng lực (PLO<sub>12-15</sub>)

Mức độ đáp ứng		Diễn giải	Từ dùng để mô tả mức độ
1	<b>Trải nghiệm</b>	Đã trải nghiệm hoặc gặp qua tình huống/ý tưởng/vấn đề tương tự...	Được tiếp xúc với tình huống/ý tưởng...
2	<b>Tham gia</b>	Có thể tham gia/đóng góp ý kiến để giải quyết vấn đề/ý tưởng... trong thực tiễn dựa trên những tình huống/kiến thức đã học	Mô tả được/xác định được vấn đề/ý tưởng/quá trình/quy trình/hệ thống...; liệt kê được/nhận biết được tình huống/sự cố/...; thực hiện được quá trình/quy trình/yêu cầu theo yêu cầu...
3	<b>Giải thích</b>	Có thể hiểu và giải thích được vấn đề/ý tưởng có liên quan dựa trên những kiến thức/kỹ năng/vấn đề/ý tưởng... đã học qua/trải qua	Thảo luận/giải thích được sự cố trong quá trình sản xuất...; /phân loại/ nhận dạng được thiết bị, quá trình, quy trình...; xác định được vấn đề tương ứng với trường hợp cụ thể; phân loại/xác định được...
4	<b>Triển khai</b>	Có thể thực hành được và triển khai được vấn đề trong thực tiễn	Áp dụng được kỹ năng đã học; lựa chọn được thiết bị, quá trình, quy trình, hệ thống... phù hợp với thực tiễn; thực hiện, sử dụng được...; chuẩn bị được, lên kế hoạch được để thực hiện... Phân tích được, minh họa được, so sánh được; đặt câu hỏi được; thí nghiệm/kiểm tra được...
5	<b>Lãnh đạo/phát minh</b>	Có thể lãnh đạo để thực hiện; xây dựng được công cụ để giải quyết vấn đề trong thực tiễn...	Xây dựng được công thức, quá trình, quy trình, hệ thống...; tổng hợp được thông tin; lập kế hoạch để sản xuất...; đánh giá được, ước tính được hiệu quả quá trình, quy trình...

## 5. Bộ rubric

### BỘ RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

Giảng viên tùy chọn các loại rubric đánh giá học tập cho phù hợp với học phần được phân công giảng dạy.

Trong một học phần sử dụng nhiều Rubric thì Bộ môn quyết định trọng số điểm của từng rubric sử dụng trong đánh giá kết quả học tập

#### I. HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

##### I.1. Rubric 'Đánh giá chuyên cần' (Tham dự lớp): 1.1\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Thái độ tham dự tích cực	50	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia hoặc rất ít tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự đầy đủ	50	Tham gia >95% số tiết học	Tham gia 81-95% số tiết học	Tham gia 75-80% số tiết học	Tham gia <75% số tiết học

##### I.2. Rubric 'Bài tập cá nhân': 1.2\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Thái độ tham gia	10	Nộp bài đúng hạn. Nghiêm túc chấp hành yêu cầu của giảng viên	Nộp bài đúng hạn. Chấp hành khá đầy đủ yêu cầu của giảng viên	Nộp bài chưa đúng hạn. Chưa nghiêm túc chấp hành yêu cầu của giảng viên	Không nộp bài đúng hạn. Không chấp hành yêu cầu của giảng viên
Kết quả	90	Trả lời đúng 90-100% tổng câu hỏi	Trả lời đúng 70-89% tổng câu hỏi	Trả lời đúng 40-69% tổng câu hỏi	Trả lời đúng dưới 40% tổng câu hỏi

##### I.3. Rubric "Đánh giá thực hiện làm báo cáo tiểu luận" (kết thúc học phần) : 1.3\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Nội dung báo cáo/ tiểu luận	30	Đầy đủ nội dung yêu cầu. Có trích dẫn nguồn đáng tin cậy	Tương đối đầy đủ nội dung yêu cầu. Có trích dẫn nguồn đáng tin cậy.	Không đầy đủ nội dung yêu cầu. Có trích dẫn nguồn.	Sai nội dung yêu cầu. Không trích dẫn nguồn.
	20	Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, Logic	Lập luận khá chặt chẽ, Logic; còn sai sót nhỏ	Lập luận tương đối chặt chẽ, Logic; có sai sót quan trọng	Lập luận không chặt chẽ, Logic
Hình thức trình bày báo cáo – Format (font chữ, canh lề,	20	Format nhất quán, không lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, ít lỗi chính tả	Vài chỗ không nhất quán về format, nhiều lỗi chính tả	Thể hiện sự cầu thả về format và đánh máy, lỗi chính tả rất nhiều

<i>Tiêu chí</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Tốt (8,5-10)</i>	<i>Khá (7,0-8,4)</i>	<i>Trung bình (4,0-6,9)</i>	<i>Kém (0-3,9)</i>
đánh số), lỗi chính tả					
Cấu trúc báo cáo/ tiểu luận	15	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	15	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.

*1.4. Rubric “Đánh giá điểm thuyết trình tiểu luận” (kết thúc học phần): 1.4\_07*

<i>Tiêu chí</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Tốt (8,5-10)</i>	<i>Khá (7,0-8,4)</i>	<i>Trung bình (4,0-6,9)</i>	<i>Kém (0-3,9)</i>
Nội dung thuyết trình	40	Phong phú hơn yêu cầu Chính xác, khoa học	Đầy đủ theo yêu cầu Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Kỹ năng thiết kế slides	15	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý Rất trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý Khá trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý Ít/ Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng thuyết trình và tương tác cử chỉ	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục. Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Trình bày rõ ràng, lập luận khá tốt nhưng chưa lôi cuốn. Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng. Có tương tác bằng	Trình bày không rõ ràng, khó hiểu được các nội dung quan trọng. Không tương tác bằng mắt.

<i>Tiêu chí</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Tốt (8,5-10)</i>	<i>Khá (7,0-8,4)</i>	<i>Trung bình (4,0-6,9)</i>	<i>Kém (0-3,9)</i>
				mất, cử chỉ chưa tốt	
Quản lý thời gian và phối hợp trong nhóm	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. Nhóm phối hợp tốt và hỗ trợ nhau khi báo cáo và trả lời	Đúng thời gian, có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống. Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Quá giờ. Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
Trả lời câu hỏi sau thuyết trình	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng.	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt ra và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

*1.5. Rubric ‘Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm’ (Sinh viên đánh giá sinh viên): 1.5\_07*

<i>Tiêu chí</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Tốt (8,5-10)</i>	<i>Khá (7,0-8,4)</i>	<i>Trung bình (4,0-6,9)</i>	<i>Kém (0-3,9)</i>
Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ	15	Tham gia 100% số buổi làm việc nhóm	Tham gia 80-99% số buổi làm việc nhóm	Tham gia 75-79% số buổi làm việc nhóm	Tham gia dưới 75% số buổi làm việc nhóm
Thái độ tham gia tích cực	15	Kết nối tốt	Kết nối khá tốt	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp hữu ích	20	Sáng tạo/ Rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn	20	Đúng hạn	Trễ ít, không ảnh hưởng	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục
Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt	30	Đáp ứng tốt/ Sáng tạo	Đáp ứng khá tốt yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót nghiêm trọng	Không sử dụng được

*1.6. Rubric. “Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm”: 1.6\_07*

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Thời gian nộp bài tập	10	Đúng hạn	Trễ hạn ít, không ảnh hưởng	Trễ hạn nhiều, gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục	Không nộp/ trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục
Nội dung bài tập	40	Đầy đủ nội dung/ lý thuyết yêu cầu.	Tương đối đầy đủ nội dung/ lý thuyết yêu cầu.	Không đầy đủ nội dung/ lý thuyết yêu cầu.	Sai nội dung/ lý thuyết yêu cầu.
	30	Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, phân tích đánh giá tốt.	Lập luận chặt chẽ, logic, phân tích đánh giá khá tốt.	Lập luận tương đối chặt chẽ, logic, phân tích đánh giá chưa tốt ở vài luận điểm.	Lập luận không chặt chẽ, phân tích đánh giá chưa tốt.
Hình thức bài tập – Format (font chữ, canh lề, đánh số trang, lỗi chính tả)	20	Format nhất quán, đúng yêu cầu	Format nhất còn vài sai sót nhỏ, ít lỗi chính tả	Format nhất không nhất quán, sai sót nhiều lỗi chính tả.	Format cầu thả, không đúng yêu cầu, sai sót nhiều lỗi chính tả.
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

## II. HỌC PHẦN THỰC HÀNH

### II.7. Rubric. “Đánh giá học phần thực hành”: II.7\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Tuân thủ quy định của môn học	20	Chuẩn bị đầy đủ, đúng yêu cầu về dụng cụ, nguyên liệu, hóa chất, thiết bị, tài liệu, nội quy phòng thực hành	Chuẩn bị đầy đủ nhưng chưa đạt yêu cầu về dụng cụ, nguyên liệu, hóa chất, thiết bị, tài liệu tuân thủ nội quy	Chưa chuẩn bị đầy đủ, chưa đạt yêu cầu	Không chuẩn bị

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
			phòng thực hành		
Thực hiện hoạt động thực hành	30	Thực hiện đúng các nguyên tắc, thao tác, quy trình thực hành, đảm bảo an toàn trong thực hành theo hướng dẫn của giảng viên	Thực hiện còn sai sót các nguyên tắc, thao tác, quy trình thực hành, đảm bảo an toàn trong thực hành nhưng tự sửa chữa được	Thực hiện còn sai sót các nguyên tắc, thao tác, quy trình thực hành, đảm bảo an toàn trong thực hành nhưng giảng viên phải hướng dẫn sửa chữa	Thực hiện không đúng các nguyên tắc, thao tác, quy trình thực hành, đảm bảo an toàn trong thực hành nhưng tự sửa chữa
Kết quả thực hành	30	Hoàn thành đúng thời gian, sản phẩm đạt yêu cầu, nộp báo cáo theo đúng yêu cầu	Hoàn thành đúng thời gian, sản phẩm còn một số sai sót nhưng được chỉnh sửa trong báo cáo hoặc tự nhận thấy những sai sót và có hướng khắc phục	Hoàn thành không đúng thời gian, sản phẩm còn một số sai sót nhưng được chỉnh sửa trong báo cáo hoặc tự nhận thấy những sai sót và có hướng khắc phục	Không hoàn thành
Thái độ	20	Tham gia, phối hợp các hoạt động nhóm và cá nhân tích cực, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt	Tham gia, phối hợp các hoạt động nhóm và cá nhân tương đối tích cực, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt	Tham gia, phối hợp các hoạt động nhóm và cá nhân chưa tích cực, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao	Không tham gia, phối hợp các hoạt động nhóm chưa tích cực, không có ý thức tổ chức kỷ luật

### III. HỌC PHẦN KIẾN TẬP/ HỌC PHẦN THỰC TẬP/ HỌC PHẦN ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH/CHUYÊN ĐỀ/ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

III.8. Rubric “Rubric đánh giá học phần kiến tập”: III.8\_07

III.9. Rubric “Rubric đánh giá học phần ???”:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Chuyên cần	20	Tham dự đầy đủ các buổi gặp mặt theo yêu cầu	Vắng không quá 20% số thời gian quy định	Vắng không quá 40% số thời gian quy định	Không tham dự
Tuân thủ quy định	20	Tuân thủ nghiêm túc quy định	Tuân thủ khá nghiêm túc quy định, tự điều chỉnh sai sót	Tuân thủ tương đối nghiêm túc quy định, điều chỉnh khi có nhắc nhở	Không tuân thủ
Thực hiện hoạt động kiến tập	40	Tự giác, tích cực, đầy đủ	Đầy đủ, khá tích cực	Đầy đủ nhưng không tích cực	Không đầy đủ
Báo cáo kiến tập	20	Nội dung đầy đủ, cấu trúc hợp lí, hình thức đúng quy định	Nội dung đầy đủ, cấu trúc hợp lí, hình thức có sai sót về lỗi trình bày, chính tả	Nội dung khá đầy đủ, cấu trúc chưa hợp lí, hình thức có nhiều sai sót về lỗi trình bày, chính tả	Không có báo cáo
<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Chuyên cần	20	Tham dự 90 – 100% các buổi gặp mặt giảng viên hướng dẫn theo yêu cầu	Tham dự 80 – 89% các buổi gặp mặt giảng viên hướng dẫn theo yêu cầu	Tham dự 79 - 75% các buổi gặp mặt giảng viên hướng dẫn theo yêu cầu	Tham dự < 75% thời gian thực tập
Thực hiện hoạt động thực tập tốt nghiệp	20	Báo cáo đầy đủ các hoạt động hàng ngày tại doanh nghiệp.	Báo cáo khá đầy đủ các hoạt động hàng ngày tại doanh nghiệp	Báo cáo sơ sài các hoạt động hàng ngày tại doanh nghiệp	Không báo cáo
Báo cáo thực tập	30	Nội dung đầy đủ, cấu trúc hợp lí, hình thức đúng quy định	Nội dung đầy đủ, cấu trúc hợp lí, hình thức có sai sót về lỗi trình bày, chính tả	Nội dung khá đầy đủ, cấu trúc chưa hợp lí, hình thức có nhiều sai sót về lỗi trình bày, chính tả	Không có báo cáo



Vấn đáp	30	Trả lời đúng 100% số câu hỏi có tính sáng tạo	Trả lời đúng 70% số câu hỏi	Trả lời đúng 50% số câu hỏi	Chỉ trả lời đúng 30% số câu hỏi
---------	----	---	-----------------------------	-----------------------------	---------------------------------

III.10. Rubric 'Đánh giá thực tập của doanh nghiệp': III.10\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Chuyên cần	5	Tham dự 90 – 100% các buổi thực tập	Tham dự 80 – 89% các buổi thực tập	Tham dự 79 - 75% các buổi thực tập	Tham dự < 75% thời gian thực tập
Tuân thủ quy định công ty	10	Tuân thủ nghiêm túc quy định về giờ giấc, trang phục, nội quy làm việc...	Tuân thủ khá nghiêm túc quy định về giờ giấc, trang phục, nội quy làm việc, tự sửa chữa sai sót	Tuân thủ tương đối nghiêm túc quy định về giờ giấc, trang phục, nội quy làm việc, sửa chữa sai sót khi được nhắc nhở	Không tuân thủ
Thái độ giao tiếp ứng xử với cán bộ nhân viên công ty	5	Thân thiện, hòa đồng, mạnh dạn giao tiếp	Thân thiện, hòa đồng, nhưng còn rụt rè giao tiếp	Thân thiện, chưa hòa đồng, còn rụt rè giao tiếp	Chưa thân thiện, chưa hòa đồng, thụ động trong giao tiếp
Ý thức an toàn lao động (cháy nổ, điện)	5	Ý thức cao trong đảm bảo an toàn lao động	Có ý thức trong đảm bảo an toàn lao động, tự sửa chữa sai sót	Có ý thức trong đảm bảo an toàn lao động, sửa chữa sai sót khi được nhắc nhở	Không có ý thức an toàn lao động
Bảo vệ tài sản của công ty	10	Ý thức cao trong bảo vệ tài sản công ty	Có ý thức trong vệ tài sản công ty, tự sửa chữa sai sót	Có ý thức trong bảo vệ tài sản công ty, sửa chữa sai sót khi được nhắc nhở	Không có ý thức bảo vệ tài sản công ty
Kỹ năng làm việc độc lập	10	Kỹ năng làm việc độc lập cao, sáng tạo, tích cực hoàn thành đúng tiến độ	Tích cực, hoàn thành đúng tiến độ	Hoàn thành đúng tiến độ	Không hoàn thành nhiệm vụ
Kỹ năng làm việc theo nhóm	10	Tích cực đóng góp ý tưởng mới trong, phối hợp tốt với các thành viên, hoàn thành tốt	Phối hợp tốt với các thành viên, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhóm	Hoàn thành tốt nhiệm vụ nhóm	Không hoàn thành nhiệm vụ

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
		nhiệm vụ trong nhóm			
Mức độ tìm hiểu, học hỏi kiến thức chuyên môn	10	Chủ động đặt vấn đề, tìm hiểu, trao đổi học hỏi từ nhân viên công ty	Tương đối chủ động quan sát, ghi nhận ít trao đổi	Ít chủ động quan sát ghi nhận	Thụ động, không tìm hiểu và học hỏi
Mức độ cập nhật hiểu biết những vấn đề cấp thiết của công ty	10	Chủ động cập nhật hiểu biết những vấn đề mới của công ty	Tương đối chủ động cập nhật hiểu biết những vấn đề mới của công ty	Ít chủ động cập nhật hiểu biết những vấn đề mới của công ty	Không cập nhật thông tin về công ty
Mức độ hoàn thành công việc được giao	15	Hoàn thành xuất sắc công việc được giao	Hoàn thành tốt công việc được giao	Hoàn thành công việc được giao có một số sai sót nhỏ	Không hoàn thành
Khả năng nhận thức vấn đề, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề trong quá trình thực tập	10	Nhận thức vấn đề, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề một cách nhanh chóng, hiệu quả	Nhận thức vấn đề, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề một cách nhanh chóng, nhưng chưa hiệu quả khi xử lý	Nhận thức được vấn đề, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề	Không nhận thức được vấn đề, không có khả năng thu thập thông tin và xử lý vấn đề

### III.3. HỌC PHẦN ĐỒ ÁN HỌC PHẦN/CHUYÊN ĐỀ

#### III.11. Rubric “Đánh giá đồ án học phần/chuyên đề”: III.11\_07

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Nội dung	40	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu phù hợp với	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ	Nội dung giữa các chương thiếu sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn	Nội dung giữa các chương không có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man,

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
		tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	15	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.
Bố cục - Hình thức	10	Bố cục rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý rõ ràng, liền mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	Bố cục tương đối rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Bố cục chưa rõ ràng, chưa đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Bố cục không theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.
Thái độ-chuyên cần	20	Có kế hoạch làm việc rõ ràng; Rất	Có kế hoạch làm việc không rõ ràng.	Kế hoạch làm việc không rõ ràng. Thỉnh	Không có kế hoạch làm việc. Rất ít khi liên

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
		thường xuyên liên lạc với GV để báo cáo tiến độ và duyệt bài.	Thường xuyên liên lạc với GV báo cáo tiến độ và để duyệt bài.	thoảng liên lạc với GV để duyệt bài.	lạc với GV để duyệt bài.
Khả năng trình bày và trả lời câu hỏi	15	Trình bày đồ án đầy đủ, mạch lạc, tác phong tự tin, trả lời đúng trên 80% câu hỏi	Trình bày đồ án đầy đủ, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản, còn thiếu sót một vài lỗi không quan trọng, trả lời đúng 60 - 79% câu hỏi	Trình bày đồ án tương đối đầy đủ, còn thiếu sót 1 đến 3 lỗi quan trọng, trả lời đúng 40 -59% câu hỏi	Không trình bày được đồ án, hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ, không trả lời hoặc trả lời được dưới 40% câu hỏi

### III. 4. ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

III.12. Rubric. “Đánh giá đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp của giáo viên hướng dẫn”:  
III.12\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Nội dung	40	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Nội dung giữa các chương thiếu sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Nội dung giữa các chương không có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	15	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.
Bố cục - Hình thức	20	Bố cục rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý rõ ràng, liền mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	Bố cục tương đối rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Bố cục chưa rõ ràng, chưa đầy đủ các nội dung theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Bố cục không theo qui định Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.
Thái độ-chuyên cần	10	Có kế hoạch làm việc rõ ràng; Rất thường xuyên liên lạc với GV để báo cáo tiến độ và duyệt bài.	Có kế hoạch làm việc không rõ ràng. Thường xuyên liên lạc với GV báo cáo tiến độ và để duyệt bài.	Kế hoạch làm việc không rõ ràng. Thỉnh thoảng liên lạc với GV để duyệt bài.	Không có kế hoạch làm việc. Rất ít khi liên lạc với GV để duyệt bài.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Có bài báo gửi đăng tạp chí hoặc hội nghị khoa học	15	Đã được đăng hoặc được chấp nhận đăng	Bố cục phù hợp với định dạng bài báo NCKH; Nêu được kết quả của vấn đề nghiên cứu rõ ràng; Có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan; tài liệu tham khảo và trích dẫn rõ ràng, có cập nhật các nghiên cứu mới nhất	Bố cục tương đối phù hợp với định dạng bài báo NCKH; Nêu được kết quả của vấn đề nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng; Chưa có hoặc ít có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan; tài liệu tham khảo và trích dẫn còn ít, chưa cập nhật các nghiên cứu mới nhất	Không có

III.13. Rubric “Đánh giá đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp của giáo viên phân biện”:  
III.13\_07

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
Nội dung	50	Xác định rõ ràng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức rất hợp lý. Có sự liên kết chặt chẽ giữa các chương. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	Xác định được mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức hợp lý. Có sự liên kết giữa các chương. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Chưa xác định rõ mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức chưa hợp lý. Thiếu sự liên kết giữa các chương Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Xác định không đúng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức không hợp lý. Không có sự liên kết giữa các chương. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	15	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
		tác giả tự phân tích, tính toán)			
Bố cục – Hình thức	20	Bố cục rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định. Triển khai các ý rõ ràng, liền mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	Bố cục tương đối rõ ràng đầy đủ các nội dung theo qui định. Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Bố cục chưa rõ ràng, chưa đầy đủ các nội dung theo qui định. Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Bố cục không theo qui định. Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.
Có bài báo gửi đăng tạp chí hoặc hội nghị khoa học	15	Đã được đăng hoặc được chấp nhận đăng	Bố cục phù hợp với định dạng bài báo NCKH; Nêu được kết quả của vấn đề nghiên cứu rõ ràng; Có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan; tài liệu tham khảo và trích dẫn rõ ràng, có cập nhật các nghiên cứu mới nhất.	Bố cục tương đối phù hợp với định dạng bài báo NCKH; Nêu được kết quả của vấn đề nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng; Chưa có hoặc ít có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan; tài liệu tham khảo và trích dẫn còn ít, chưa cập nhật các nghiên cứu mới nhất	Không có



III.14. Rubric “Đánh giá đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp của hội đồng” III.14\_07

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (4,0-6,9)	Kém (0-3,9)
Slide	10	Chuyên tài được nội dung của khóa luận, đẹp, thu hút.	Chuyên tài được nội dung của khóa luận, đẹp nhưng chưa thu hút.	Chuyên tài chưa đầy đủ nội dung của khóa luận, tương đối đẹp nhưng chưa thu hút.	Không chuyên tài đầy đủ nội dung của khóa luận, không đẹp, không thu hút.
Thuyết trình	15	Giọng nói to, rõ ràng; trình bày logic, lôi cuốn; phong thái tự tin.	Giọng nói to, rõ ràng; trình bày logic, phong thái tự tin.	Giọng nói to, rõ ràng; nhưng trình bày thiếu logic, phong thái thiếu tự tin.	Giọng nói nhỏ, không rõ ràng; trình bày không logic, phong thái không tự tin.
Thời gian	5	Đúng thời gian quy định ( $\leq 10$ phút).	Trễ $\leq 2$ phút so với thời gian quy định.	Trễ $\leq 4$ phút so với thời gian quy định.	Trễ $> 4$ phút so với thời gian quy định.
Nội dung	40	Nội dung có sự liên kết giữa các chương. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	Nội dung có sự liên kết giữa các chương, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Nội dung các chương thiếu sự liên kết. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết, chưa giải quyết được vấn đề nghiên cứu. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Nội dung các chương không có sự liên kết. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết, chưa giải quyết được vấn đề nghiên cứu. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.
Trả lời câu hỏi	20	Trả lời đúng các câu hỏi với sự giải thích hợp lý, chính xác.	Trả lời gần đúng các câu hỏi với sự giải thích tương đối hợp lý và chính xác.	Trả lời đúng một phần các câu hỏi, các giải thích chưa thực sự hợp lý.	Trả lời không đúng, không chính xác hoặc không trả lời được các câu hỏi.
Có bài báo gửi đăng tạp chí hoặc hội nghị khoa học	10	Đã được đăng hoặc được chấp nhận đăng	Bỏ cục phù hợp với định dạng bài báo NCKH. Nêu được kết quả của vấn đề	Bỏ cục tương đối phù hợp với định dạng bài báo NCKH. Nêu được kết quả của vấn đề nghiên cứu	Không có

<b>Tiêu chí</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tốt (8,5-10)</b>	<b>Khá (7,0-8,4)</b>	<b>Trung bình (4,0-6,9)</b>	<b>Kém (0-3,9)</b>
			nghiên cứu rõ ràng. Có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan tài liệu tham khảo và trích dẫn rõ ràng, có cập nhật các nghiên cứu mới nhất	nhưng chưa rõ ràng. Chưa có hoặc ít có so sánh với các nghiên cứu khoa học liên quan tài liệu tham khảo và trích dẫn còn ít, chưa cập nhật các nghiên cứu mới nhất	

### PHỤ LỤC 1.3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Chương trình chuẩn tham khảo: (liệt kê các chương trình đào tạo được tham chiếu, đối sánh)

Để thực hiện việc điều chỉnh chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng, Khoa Quản trị Kinh doanh đã tham chiếu, đối sánh Chương trình đào tạo của các Trường đại học sau:

Trong nước:

- Đại học Kinh tế TP. HCM
- Đại học Công Nghiệp TP. HCM
- Đại học Kinh tế quốc dân

Ngoài nước:

- National Taiwan Normal University

#### ***1.1 CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM - UEH***

##### **Mục tiêu đào tạo**

Chương trình cử nhân chuyên ngành **Quản trị** đào tạo nhà quản trị các cấp: có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức về quản trị doanh nghiệp; có kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh; có khả năng điều hành các đơn vị kinh doanh thuộc các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau một cách hiệu quả.

##### **Đối tượng học**

Những người đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có sự yêu thích đối với công việc quản trị.

##### **Nội dung chương trình**

Toàn bộ chương trình gồm 125 tín chỉ gồm các khối kiến thức như sau: Kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ; Kỹ năng mềm, khởi sự kinh doanh, công nghệ thông tin: 5 tín chỉ; Kiến thức ngành: 39 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ; Thực tập tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Stt	Tên học phần (Subject)	Số tín chỉ (Credits)
I	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>45</b>
1	Triết học Mác - Lênin	3

2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	Ngoại ngữ	16
7	Kinh tế vi mô	3
8	Kinh tế vĩ mô	3
9	Toán dành cho kinh tế và quản trị	3
10	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3
11	Luật kinh doanh	3
12	Nguyên lý kế toán	3
<b>II</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>2</b>
<b>III</b>	<b>Khởi sự kinh doanh</b>	<b>1</b>
<b>IV</b>	<b>Kiến thức công nghệ thông tin</b>	
13	ERP (HRM)	2
<b>V</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	
	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>39</b>
14	Quản trị học	3
15	Kế toán quản trị	3
16	Quản trị điều hành	3
17	Quản trị nguồn nhân lực	3
18	Tài chính cho nhà Quản trị	3
19	Quản trị Marketing	3
20	Hành vi tổ chức	3
21	Quản trị chất lượng	3
22	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	3
23	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
24	Thẩm định dự án	3
25	Quản trị chiến lược	3
26	Phân tích định lượng trong quản trị	3
	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>17</b>
27	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3

28	Quản trị sự thay đổi	3
29	Triển khai chiến lược	3
30	Lập kế hoạch kinh doanh	3
31	Lãnh đạo	3
32	Phát triển kỹ năng quản trị	2
	<b>Các học phần tự chọn: chọn 1 trong 4 nhóm</b>	<b>9</b>
33	Tư duy thiết kế trong kinh doanh	
34	Đạo đức kinh doanh	
35	Giao tiếp kinh doanh	9
36	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	
37	Đàm phán trong quản trị	
38	Quản trị dự án	
39	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	
40	Quản trị chuỗi cung ứng	9
41	Quản trị chất lượng dịch vụ	
42	Tái cấu trúc quy trình kinh doanh (BPR)	
43	Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean)	
44	Quản trị doanh nghiệp nhỏ	
45	Tài chính khởi nghiệp	
46	Quản trị sáng tạo và đổi mới	9
47	Quản trị khởi nghiệp	
48	Marketing khởi nghiệp	
49	Tuyển dụng và đào tạo	
50	Đánh giá thực hiện công việc	
51	Quản trị thù lao lao động	9
52	Quản trị mối quan hệ lao động	
53	Luật lao động	
V	<b>Thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>125</b>

## **1.2 CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HCM - IUH**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **Kiến thức**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế, quản trị nhằm đáp ứng tốt cho công việc trong doanh nghiệp.
- Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, có khả năng hoạch định, tổ chức, điều hành và giám sát được các hoạt động trong kinh doanh.
- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cần thiết và ứng dụng công nghệ thông tin để có thể làm việc trong môi trường hiện đại, năng động.
- Rèn luyện đạo đức kinh doanh, ý thức được trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng và khơi dậy, nuôi dưỡng niềm đam mê học tập suốt đời để giúp duy trì, phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và có khả năng thích ứng với sự thay đổi để có thể hội nhập, làm việc, cống hiến cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

#### **Kỹ năng**

Phân tích môi trường kinh doanh, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm tra chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư; Soạn thảo văn bản, đàm phán, diễn thuyết và ứng xử giao tiếp; Làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học; Quản trị nhân sự và nghệ thuật lãnh đạo; Xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

#### **Thái độ**

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp; Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

#### **Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Đảm nhận các công việc về quản trị trong các tổ chức chính trị, kinh tế – xã hội; Làm việc trong phòng kế hoạch, phòng nhân sự, phòng marketing, phòng kinh doanh...; Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng và trung cấp.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 138 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp PTTH và được xét tuyển theo quy định hướng dẫn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo

**5. Quy trình đào tạo:** Theo học chế tín chỉ.

**Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế đào tạo học chế tín chỉ của Bộ giáo dục và đào tạo và qui chế đào tạo của Trường Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

**6. Thang điểm:** Theo học chế tín chỉ

**7. Nội dung chương trình**

Stt	Tên học phần (Subject)	Số tín chỉ (Credits)
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>47(33-34,26-28,94)</b>
	<b>Bắt buộc</b>	<b>38(28,20,76)</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin Fundamental principles of Marxism and Leninsm	5(5,0,10)
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolution lines of the Vietnam Communist party	3(3,0,6)
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh - Ho Chi Minh Ideology	2(2,0,4)
4	Pháp luật đại cương - General Laws	2(2,0,4)
5	Toán cao cấp 1 - Calculus 1	2(1,2,4)
6	Toán cao cấp 2 - Calculus 2	2(1,2,4)
7	Kỹ năng làm việc nhóm - Teamwork skills	2(1,2,4)
8	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Research Methodology	2(1,2,4)
9	Giáo dục thể chất 1 - Physical Education 1	2(0,4,4)
10	Giáo dục thể chất 2 - Physical Education 2	2(0,4,4)
11	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1 - National Defence Education and security 1	4(4,0,8)
12	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2 - National Defence Education and security 2	4(2,4,8)
13	Tiếng Anh 1 - English 1	3(3,0,6)
14	Tiếng Anh 2 - English 2	3(3,0,6)
	<b>Tự chọn</b>	<b>9(5-6,6-8,18)</b>
	<i>Nhóm 1 (chọn 1 trong 5)</i>	<i>3(2,2,6)</i>

1	Toán Ứng dụng - Applied Mathematics	3(2,2,6)
2	Phương pháp tính - Numerical Analysis	3(2,2,6)
3	Hàm phức và phép biến đổi Laplace - Complex Analysis and Laplace transform	3(2,2,6)
4	Vật lý đại cương - General Physics	3(2,2,6)
5	Logic học - Logics	3(2,2,6)
	<i>Nhóm 2 (chọn 1 trong 6)</i>	<i>3(1-2,2-4,6)</i>
1	Tâm lý học đại cương - Psychology	3(2,2,6)
2	Xã hội học - Sociology	3(2,2,6)
3	Cơ sở văn hóa Việt nam - Introduction to Vietnamese Culture	3(2,2,6)
4	Tiếng Việt thực hành - Vietnamese Language in Use	3(2,2,6)
5	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản Music- Music Theory and Guitar Basics	3(2,2,6)
6	Hội họa - Fine Art	3(2,2,6)
	<i>Nhóm 3 (chọn 1 trong 5)</i>	
1	Quản trị doanh nghiệp - Business Management	3(2,2,6)
2	Môi trường và con người - Environment and Human	3(2,2,6)
3	Giao tiếp kinh doanh - Business Communications	3(2,2,6)
4	Kỹ năng xây dựng kế hoạch - Planning Skills	3(2,2,6)
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>91(66-69,44-50,182)</b>
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>33(26-27,12-14,66)</b>
	<b>Bắt buộc</b>	<b>27(23,8,54)</b>
1	Quản trị học - Fundamentals of Management	3(2,2,6)
2	Kinh tế vi mô - Microeconomics	3(3,0,6)
3	Marketing căn bản - Principles of Marketing	3(3,0,6)
4	Kinh tế vĩ mô - Macroeconomics	3(3,0,6)
5	Kỹ năng giao tiếp - Communication skills	3
6	Nguyên lý kế toán - Fundamentals of Accounting	3
7	Tài chính doanh nghiệp - Corporate Finance	3
8	Đạo đức kinh doanh - Business Ethics	3
9	Kinh tế lượng - The Basic Econometrics	3



<i>Tự chọn</i>		6(3-4,4-6,12)
<i>Nhóm 1</i>		3(2,2,6)
1	Phát triển ứng dụng công nghệ Web - Web-based Application Development	3(2,2,6)
2	Các hệ thống thông minh DN - Business Intelligence Systems	3(2,2,6)
3	An toàn thông tin - Information Security	3(2,2,6)
4	Hệ cơ sở dữ liệu - Database Systems	3(2,2,6)
<i>Nhóm 2</i>		3(1-2,2-4,6)
1	Văn hóa đa quốc gia - Multinational cultures	3(2,2,6)
2	Nghệ thuật lãnh đạo - Leadership	3(2,2,6)
3	Kiểm soát nội bộ - Internal Control	3(2,2,6)
4	Tiền tệ ngân hàng - Money and Banking	3(2,2,6)
5	Thanh toán quốc tế - International Payment	3(2,2,6)
<b>2.2 Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>18(12-14,8-12,36)</b>
	<b>Bắt buộc</b>	<b>9(7,4,18)</b>
1	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh - Data Analysis in Business	3(2,2,6)
2	Nghiên cứu trong kinh doanh - Business research	3(2,2,6)
3	Quản trị nguồn nhân lực - Human Resource Management	3(3,0,6)
<i>Tự chọn</i>		9(5-7,4-8,18)
<i>Nhóm 1</i>		3(1-2,2-4,6)
1	Luật kinh doanh - Business Law	3(2,2,6)
2	Thị trường chứng khoán - Stock Market	3(2,2,6)
3	Kỹ năng hoạt náo - Activation Skills	3(2,2,6)
4	Kế toán tài chính - Financial Accounting	3(2,2,6)
5	Quan hệ công chúng - Public Relations	3(2,2,6)
<i>Nhóm 2</i>		3(2,2,6)
1	Quản trị văn phòng - Office Management and Administration	3(2,2,6)
2	Thống kê kinh doanh - Business Statistics	3(2,2,6)

3	Tin học ứng dụng ngành QTKD - Applied computing for Business Administration	3(2,2,6)
4	Nghiên cứu Marketing - Marketing Research	3(2,2,6)
	<i>Nhóm 3</i>	<i>3(2-3,0-2,6)</i>
1	Báo cáo thuế - Tax Reporting	3(2,2,6)
2	Văn hóa doanh nghiệp - Business Cultures	3(2,2,6)
3	Công nghệ Blockchain trong kinh doanh - Blockchain technology in business	3(2,2,6)
4	Marketing dịch vụ - Service Marketing	3(2,2,6)
	<b>2.3 Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>40(28,24,80)</b>
	<b>Bắt buộc</b>	<b>31(20,22,62)</b>
1	Quản trị xuất nhập khẩu - Export Import Management	3(3,0,6)
2	Quản trị điều hành - Operations Management	3(3,0,6)
3	Quản trị cung ứng - Supply chain Management	3(3,0,6)
4	Quản trị dự án đầu tư - Project Management	3(3,0,6)
5	Quản trị bán hàng - Sales Management	3(2,2,6)
6	Quản trị chiến lược - Strategic Management	3(3,0,6)
7	Quản trị tài chính - Financial Management	3(3,0,6)
8	Thực tập doanh nghiệp (QTKD) – Internship	5(0,10,10)
9	Khoá luận tốt nghiệp - Graduation Thesis	5(0,10,10)
	<i>Tự chọn</i>	<i>9(8,2,18)</i>
	<i>Nhóm 1</i>	<i>3(3,0,6)</i>
1	Hành vi khách hàng - Customer behavior	3(3,0,6)
2	Địa lý kinh tế - Economic Geography	3(3,0,6)
3	Quản trị chất lượng - Quality Management	3(3,0,6)
	<i>Nhóm 2</i>	<i>3(3,0,6)</i>
1	Quản trị rủi ro - Risk Management	3(3,0,6)
2	Quản trị thương hiệu - Brand Management	3(3,0,6)
3	Hành vi tổ chức - Organization Behavior	3(3,0,6)
	<i>Nhóm 2</i>	<i>3(3,0,6)</i>
1	Quản trị bán lẻ - Retail Management	3(3,0,6)
2	Ý tưởng khởi nghiệp - Ideas for Start-up	3(3,0,6)

### **1.3 CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN - NEU**

?

### **1.4 CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀI LOAN (NATIONAL TAIWAN NORMAL UNIVERSITY) - NTNU**

#### **Mục tiêu & Năng lực cốt lõi**

- Tư duy phản biện: Có khả năng xác định các vấn đề liên quan; Có thể phân tích thông tin thu thập được bằng các phương pháp và mô hình thích hợp.

- Giao tiếp: Có thể giao tiếp rõ ràng và trôi chảy trong bối cảnh kinh doanh trực tiếp và trực tuyến.

- Sự đổi mới: Có khả năng giải quyết các ý tưởng mới và có liên quan; Có thể phân tích các vấn đề và cơ hội kinh doanh với những thông tin chi tiết ban đầu.

- Năng lực phân tích: Sinh viên sẽ thể hiện khả năng lĩnh hội kiến thức cốt lõi trong các lĩnh vực quản lý tập trung: Tiếp thị, Tài chính và Chiến lược; Sinh viên sẽ thể hiện khả năng của họ trong việc sử dụng các phương pháp tiếp cận phân tích cho các nhiệm vụ kinh doanh (Mô hình Khoa học Quản lý); Sinh viên sẽ thể hiện khả năng hiểu các kết quả phân tích kinh doanh và đưa ra các đề xuất kinh doanh phù hợp (Mô hình Khoa học Quản lý).

Tổng số tín chỉ là 128 tín chỉ, trong đó:

Các học phần bắt buộc: 88 tín chỉ gồm (1) Các học phần bắt buộc chung trong toàn trường: 28 tín chỉ; và (2) Các học phần chương trình chung của ngành: 60 tín chỉ

Các học phần tự chọn: 40 tín chỉ gồm (1) Các học phần chương trình chung tự chọn: 15 tín chỉ; và (2) học phần tự chọn của ngành: 25 tín chỉ

Stt	Tên học phần (Subject)	Số tín chỉ (Credits)
<b>I</b>	<b>BẮT BUỘC</b>	<b>88</b>
	<b>1.1 Bắt buộc chung</b>	<b>28</b>
1	Giáo dục thể chất	4
2	Tiếng Trung	4
3	Tiếng Anh	6

4	Ngôn ngữ và văn học	2
5	Nghệ thuật và Thẩm mỹ	2
6	Tư duy triết học và lý luận đạo đức	2
7	Quốc tịch và Yêu cầu xã hội	2
8	Lịch sử và văn hóa	2
9	Tư duy toán học và logic	2
10	Khoa học và Đời sống	2
	<b>1.2 Bắt buộc ngành</b>	<b>60</b>
1	Giới thiệu về Kinh doanh và Quản lý	3
2	Giải tích kinh doanh	3
3	Toán quản lý	3
4	Kinh tế học I	3
5	Kinh tế II	3
6	Kế toán I	3
7	Kế toán II	3
8	Quản trị nhân sự	3
9	Thống kê I	3
10	Thống kê II	3
11	Quản trị maketing	3
12	Kế toán quản lý	3
13	Mô hình Khoa học Quản lý	3
14	Quản trị tài chính	3
15	Luật Kinh doanh	3
16	Quản trị vận hành	3
17	Quản trị thông tin	3
18	Hành vi tổ chức	3
19	Quản trị chiến lược	3
20	Kỳ thực tập	3
<b>II</b>	<b>TỰ CHỌN</b>	<b>40</b>
	<b>2.1 Tự chọn chung</b>	<b>15</b>
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3

3	Kinh tế quốc tế	3
4	Tiền và ngân hàng	3
5	Chuẩn đoán kinh doanh	3
	<b>2.2 Tự chọn chuyên ngành</b>	<b>25</b>
	<i>Marketing</i>	
1	Nghiên cứu thị trường	3
2	Hành vi người tiêu dùng	3
3	Quản trị thương hiệu	3
4	Internet Marketing	3
5	Marketing dịch vụ	3
6	Quản trị quan hệ khách hàng	3
7	Quản trị Logistics	3
	<i>Tài chính</i>	
1	Đầu tư	3
2	Tài chính doanh nghiệp	3
3	Thị trường tài chính và thể chế	3
4	Tài chính đa quốc gia	3
5	Báo cáo tài chính	3
6	Phân tích danh mục đầu tư và Lập kế hoạch tài chính cá nhân	3
7	FinTech	3
	<i>Quản trị chiến lược</i>	
1	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
2	Phân tích ngành	3
3	Quản trị đổi mới	3
4	Thương mại điện tử	3
	<i>Kinh doanh hiện đại/thông minh</i>	
1	Ngôn ngữ lập trình và phân tích nghiệp vụ	3
2	Thực quan hóa và Truyền thông Dữ liệu	3
3	Giới thiệu về Khoa học Dữ liệu	3
4	FinTech	3

**2. Bảng đối sánh chương trình đào tạo của Trường (HUPI) với các chương trình đào tạo đang lưu hành của trường khác (trong và ngoài nước)**

Tổng hợp chương trình đào tạo của trường HUPI so với các chương trình đào tạo đang lưu hành của các trường khác trong và ngoài nước cho thấy có một sự tương đồng về kết cấu môn học và các kỳ tương đương. Điều này làm cơ sở giúp người học dễ dàng tiếp cận với những bậc học cao hơn và mối liên kết đào tạo giữa các trường trong cùng một khối ngành

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU						Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp			
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV						
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII			
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	43										
1.1	Học phần bắt buộc	38										
1	Triết học Mac Lenin	3		x								
2	Kinh tế chính trị Mac-Lênin	2	x									
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x									
	Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
		Khối kiến thức giáo dục đại cương	43		Khối kiến thức giáo dục đại cương	47			Khối kiến thức giáo dục đại cương	43		
		Học phần bắt buộc			Học phần bắt buộc				Học phần bắt buộc			
		Triết học Mac Lenin	3		Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mac Lenin	5		100%	Nguyên lý cơ bản CN Mac Lenin 1+2	2+3		100%
		Kinh tế chính trị Mac-Lênin	2	x								
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x								

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Huff – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần		Số TC
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII								
4	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2				x				Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	100%	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		x						Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng HCM	2	Tư tưởng HCM	2	100%	
6	Giáo dục quốc phòng an ninh 1	3	x							Giáo dục QPAN 1	4	Giáo dục QPAN	8	Giáo dục QPAN	8	100%	
6	Giáo dục QPAN 2	2								Giáo dục QPAN 2	4						
6	Giáo dục QPAN 3	1			x												
6	Giáo dục QPAN 4	2															



TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đại Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp			
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần		Số TC		
	Học kỳ					VII													
7	Giáo dục thể chất 1	2	x						Giáo dục thể chất 1	2	100%	Giáo dục thể chất	4	100%	Giáo dục thể chất 1	2	100%		
7	Giáo dục thể chất 2	2	x						Giáo dục thể chất 2	2	100%			Giáo dục thể chất 2	1	100%			
7	Giáo dục thể chất 3	1												Giáo dục thể chất 3	2	100%			
8	Pháp luật đại cương	2		x				Pháp luật đại cương	2	100%	Pháp luật đại cương	3	100%						
9	Kỹ năng sử dụng CNTT	3	x					Tin học ứng dụng ngành KD	3	100%									
10	Anh văn I	3	x					Ngoại ngữ PI	4	100%	Tiếng Anh I	3	100%	Ngoại ngữ	9	100%	Tiếng anh I	3	100%

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐHQD Hufi – Đài Loan	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần			
	Học kỳ									
10	Anh văn 2	3	x				Ngoại ngữ P2		Tiếng Anh II	3
10	Anh văn 3	3		x					Tiếng Anh III	3
									Tiếng Anh III	3
									Tiếng hoa I	3
									Tiếng hoa II	3
1.2	Học phần tự chọn	5					Học phần tự chọn		Học phần tự chọn	12
11	Xác suất thống kê	2	x				Lý thuyết xác suất		Thông kê I+II	3+3
							Thông kê doanh		Lý thuyết xác suất	3
										100%

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUF1							Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp			
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần		Số TC		
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII										
12	Toán cao cấp C1	3	x							4									
12	Toán cao cấp C2	2	x																
...																			80%

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU						Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV									
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII						
II	Khởi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91													80%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21													
2.1.1	Học phần bắt buộc	16													

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUF1						Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII						
13	Quản trị học	2	x							Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản trị học	100%
14	Marketing căn bản	2								MKT căn bản	3		Nguyên lý Marketing	3	100%
15	Kinh tế vĩ mô	3	x							Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô I	Kinh tế học	3	100%
16	Kinh tế vĩ mô	3		x						Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô I	Kinh tế vĩ mô 1&2	3+3	100%
17	Nguyên lý kế toán	3		x						Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	3	100%
18	Thống kê ứng dụng	3			x					Nguyên lý thống kê kinh tế	3	Thống kê chất lượng			100%
										Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng			

TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU						Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV							Tên học phần	Số TC	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII						
2.1.2	Học phần tự chọn	5													
19	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	x										Tài chính - tiền tệ	3	100%
20	Thị trường tài chính	3	x												
21	Logic học	2			x										
22	Tâm lý kinh doanh	2			x										
23	Kỹ năng giao tiếp	2			x										
													Phần mềm ứng dụng trong	3	50%



TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufu – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	
	Học phần	Số TC	Năm thứ				Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC		
			I	II	III	IV											
24	Hành vi người tiêu dùng	2			X												80%
25	Internet marketing	3															80%
26	Quản trị tài chính	3				X											100%
27	Quản trị nguồn nhân lực	3				X											100%
28	Quản trị chiến lược	3				X											100%
29	Nghiên cứu thị trường	3				X											80%



TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufu – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần					Số TC	Tên học phần		Số TC	Tên học phần	
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII								
30	Kế toán quản trị	3					x										100%
31	Quản trị chất lượng	3					x										100%
32	Phân tích hoạt động kinh doanh	3					x										70%







TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU						Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)	Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufu – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp	
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV							Tên học phần	Số TC		Tên học phần
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII							
										Thanh toán quốc tế	3					
										An toàn thông tin	3					
										Các hệ thống thông minh DN	3					
										Kiểm soát nội bộ	3					
										Hệ cơ sở dữ liệu	3					
										Tiền tệ ngân hàng	3					
										Quản trị chi phí kinh doanh	3					



TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU							Chương trình tham chiếu của TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp			
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC					
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII										
44	Kỹ năng đàm phán	2		x									Kỹ năng quản trị	3					
45	Quan hệ công chúng	2		x									Quan hệ công chúng	3					
46	Quan hệ khách hàng	2					x						Quản trị văn phòng	3			Quan hệ khách hàng	3	80%
47	Nghệ thuật lãnh đạo	2						x					Nghệ thuật lãnh đạo	3			Nghệ thuật lãnh đạo	3	100%
48	Đổi mới sáng tạo	2						x					Ý tưởng khởi nghiệp	3			Quản trị khởi nghiệp và	3	80%





TT	Chương trình đào tạo (dự kiến) của HUFU						Chương trình tham chiếu của ĐH Kinh tế TP.HCM (EUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH Công nghiệp (IUH)		Chương trình tham chiếu của ĐH KTQD (NEU)		Chương trình tham chiếu quốc tế QTKD Hufi – Đài Loan		Tỷ lệ % nội dung trùng khớp			
	Học phần	Số TC	Năm thứ I	Năm thứ II	Năm thứ III	Năm thứ IV	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC				
	Học kỳ		I	II	III	IV	V	VI	VII									
52	Thực tập quản lý	2							x									
53	Khoá luận tốt nghiệp	8							x						100%			
53	Đồ án tốt nghiệp	8							x									
Tổng cộng (I + II)		134																
47BB +15TC																		
<p>Học phần trùng nhau  Cả 4 trường đều có: 16/53 học phần</p>																		
							Tổng cộng (I + II)	124	28/53 (53%)	Tổng cộng (I + II)	128	42/53 (79%)	Tổng cộng (I + II)	128	18/53 (34%)	Tổng cộng (I + II)	128	18/53 (34%)

UFI		EUH (Kinh tế TP.HCM)		IUH (Công nghiệp TP.HCM)		NEU (Kinh tế quốc dân)		NTNU	
	TC		TC		TC		TC		TC
A. Khó kiến thức đại cương	43	I. Khó kiến thức đại cương	43	I. Khó kiến thức đại cương	47	I. Khó kiến thức đại cương	43	I. Khó kiến thức đại cương	43
Bắt buộc	38	Bắt buộc	37	Bắt buộc	38	Học phần chung	19	Bắt buộc	38
Tự chọn	5	Tự chọn	6	Tự chọn	9	Học phần của trường	12	Tự chọn	5
						Học phần của ngành	12	Bắt buộc	38
II. Khó kiến thức chuyên nghiệp	91	II. Khó kiến thức chuyên nghiệp	81	II. Khó kiến thức chuyên nghiệp	91	II. Khó kiến thức chuyên nghiệp	85	II. Khó kiến thức chuyên nghiệp	89
		Kiến thức cơ sở khối ngành	6						
B. Khó kiến thức cơ sở ngành	21	Kiến thức cơ sở ngành	9	2.1. Khó kiến thức cơ sở ngành (27BB, 6TC)	33	2.1. Khó kiến thức cơ sở ngành	15	2.1. Khó kiến thức cơ sở ngành	20
Bắt buộc	15	Kiến thức ngành	25	2.2. Kiến thức ngành (9BB, 9 TC)	18	2.2. Khó kiến thức ngành	42	Bắt buộc	15
Tự chọn	6	Kiến thức bổ trợ	13			Bắt buộc	27	Tự chọn	5
						Tự chọn	5		
c. Khó kiến thức chuyên ngành	55	Kiến thức chuyên ngành	18	2.3. Kiến thức chuyên ngành	30	2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	2.3. Kiến thức chuyên sâu	54
Bắt buộc	51	Bắt buộc	10	Bắt buộc	21			Bắt buộc	50

Tự chọn	4	Tự chọn	6	Tự chọn	9	Tự chọn (6HPx3=18)	18	Tự chọn	4
<b>D. Học kỳ doanh nghiệp</b>	<b>15</b>	Báo cáo ngoại khoá	2						
Kiến tập	1	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>Thực tập TN</b>	<b>5</b>	<b>2.4. Chuyên đề thực tập</b>	<b>10</b>	<b>2.4. Chuyên đề thực tập</b>	<b>11</b>
Thực tập nghề nghiệp	4			<b>Khoá luận</b>	<b>5</b>			Thực tập	3
Thực tập quản lý	2								
Khoá luận tốt nghiệp	8							Báo cáo tốt nghiệp	8
Đồ án tốt nghiệp (LT)	8								
<b>Tổng (BB120; TC14)</b>	<b>134</b>	<b>Tổng (BB112; TC12)</b>	<b>124</b>	<b>Tổng (BB120; TC18)</b>	<b>138</b>	<b>Tổng (BB105; TC23)</b>	<b>128</b>	<b>Tổng (BB110; TC18)</b>	<b>128</b>

**PHỤ LỤC 1.4.1**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ**

**Về việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**  
*(Trường hợp cập nhật CDR)*

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Trình độ: Đại học

Thực hiện Thông báo số 68 ngày 25 tháng 1 năm 2022 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2021 - 2022 và kế hoạch chi tiết của Khoa Quản trị kinh doanh, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học đã thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo như sau:

**I. Thông tin, minh chứng**

TT	Thông tin minh chứng	Nguồn gốc	Ghi chú
1	Phiếu khảo sát giảng viên	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
2	Bảng đối sánh các chương trình đào tạo giữa các trường đại học	Phụ lục chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế	
3	Phiếu khảo sát doanh nghiệp	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
4	Phiếu khảo sát sinh viên đang theo học	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
5	Phiếu khảo sát cựu sinh viên	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
6	Phiếu khảo sát sinh viên vừa tốt nghiệp	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
7	Phiếu khảo sát chuyên gia	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
8	Căn cứ pháp lý	-Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;</li> <li>- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;</li> <li>- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động;</li> <li>- Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình giáo dục môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;</li> <li>- Căn cứ Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;</li> <li>- Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;</li> <li>- Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ; - Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-DCT ngày 22/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;</li> <li>- Căn cứ Quyết định 2212/QĐ-DCT ngày 19/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul>	
--	--	--	--

	<p>Mình về việc Ban hành Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học;</p> <p>- Căn cứ Quyết định 1201/QĐ-DCT ngày 17/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) đối với sinh viên, học viên không chuyên ngành CNTT;</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-DCT ngày 05/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về điều kiện, quy trình, hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học và đình chi tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành trình độ đại học; ...</p>	
--	---	--

## II. Kết quả cụ thể

Kết quả khảo sát các bên liên quan về việc sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra chương đào tạo ngành Quản trị kinh doanh cho thấy hầu hết các bên liên quan đều đồng ý 84,5% (93/110) với chuẩn đầu ra hiện tại của chương trình ngành Quản trị kinh doanh đang áp dụng. Tuy nhiên còn 15,5% (17/110) các bên liên quan chưa đồng ý và có ý kiến khác như sau:

**Bảng 1: Tỷ lệ đánh giá mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra**

Ý kiến	Sinh viên		Nhà tuyển dụng		Giảng viên		Chuyên gia		Cựu sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đồng ý	58	86,57	5	100	9	69,23	4	80	17	85
Không đồng ý	-	-	-	-	-	-	-	-	1	5

Ý kiến khác	9	13,43	-		4	31,77	1	20	2	10
-------------	---	-------	---	--	---	-------	---	----	---	----

Về kiến thức: Có kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, nhân lực, marketing, du lịch, tài chính – kế toán... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường; tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, các phương thức xây dựng và quảng bá thương hiệu, những kiến thức về thị trường du lịch, tổ chức quản lý của một bộ phận cũng như của một doanh nghiệp du lịch.

Có kiến thức về các nguyên lý về hành vi người tiêu dùng, tìm kiếm thị trường mục tiêu, các nguyên lý của quản trị, lý thuyết về cạnh tranh, sản xuất, đầu tư và phân phối sản phẩm, quản trị khách sạn, các sự kiện du lịch, ..

Phân tích, đánh giá và vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã học liên quan đến quản trị, văn hóa doanh nghiệp, hành vi của tổ chức; phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm tra việc thi hành chiến lược Marketing, nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng: Đòi hỏi việc đào tạo và cấp văn bằng đáp ứng vị trí việc làm ở lĩnh vực Quản trị kinh doanh phải đạt các đơn vị năng lực cụ thể. Các đơn vị năng lực thuộc những nhóm như: năng lực cơ bản, năng lực chuyên môn và năng lực chung. Vì vậy, cần xây dựng, bổ sung chương trình đào tạo mới với các môn học cụ thể, nhằm đáp ứng các đơn vị năng lực của những tiêu chuẩn này thông qua việc cập nhật những học phần mà khung chương trình cũ đáp ứng chưa đủ như:

+ Bổ sung các học phần rèn luyện và phát triển các kỹ năng hỗ trợ nhằm đáp ứng các trình độ năng lực cho vị trí quản lý: điều phối nhóm, giao tiếp đàm phán trong hoạt động quản trị chiến lược, quản trị bán hàng, quản trị vận hành, lập kế hoạch kinh doanh, thiết lập quy trình, kỹ năng quản lý...(Phát triển kỹ năng quản trị dự án đầu tư, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính...)

+ Xây dựng các học phần nhằm áp dụng thu thập, phân tích và xử lý thông tin, sử dụng được các phần mềm trong lĩnh vực, nghiên cứu thị trường; hành vi khách hàng, hành vi tổ chức... đề xuất các giải pháp và chính sách để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Xây dựng học phần đáp ứng việc phân tích, trình bày, thuyết trình, giao tiếp bằng văn bản, đa truyền thông, và hệ thống mạng xã hội, interne tmarketing.

+ Xây dựng các học phần nhằm trang bị kiến thức phân tích và vận dụng các loại hình kinh tế, luật kinh tế, kế toán, tài chính và marketing để đánh giá và lựa chọn các loại hình kinh doanh và đầu tư.

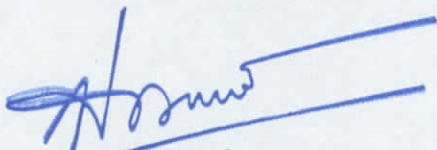
Thông qua việc cập nhật thông tin tuyển dụng ngành Quản trị kinh doanh (nhân viên bán hàng, nhân viên phát triển thị trường...) tại các website chuyên về tuyển dụng nhân sự: <https://vn.joboko.com>; <https://timviecnhanh.com>, <https://123job.vn>, <https://www.vietnamworks.com/> ... tổ soạn thảo thống kê mô tả và yêu cầu công việc của các thương hiệu lớn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh như: công ty TNHH xây dựng địa ốc Rubik Homes, Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà... thì theo mô tả và yêu cầu công việc luôn tập trung vào từng bộ phận nghiệp vụ cụ thể như Bộ phận nhân sự, bộ phận marketing, bộ phận bán hàng với từng vị trí cụ thể như: nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh, chuyên viên kinh doanh bất động sản ... với kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cụ thể như: tìm kiếm và khai thác khách hàng tiềm năng, chăm sóc khách hàng, triển khai hợp đồng, triển khai quy trình tuyển dụng nhân sự... Vì vậy, cần cập nhật, bổ sung các kiến thức chuyên ngành sâu hơn về quản lý, vận hành các bộ phận nghiệp vụ vào khung chương trình.

Thực hiện phỏng vấn trực tiếp lãnh đạo doanh nghiệp, quản lý bộ phận tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh như: Công ty Công nghệ giáo dục The Enest, Công ty TNHH Minh Vân Nha Trang, Công ty Cổ phần MISA, Công ty Cổ phần Bất động sản Emmarland... thì đại diện các doanh nghiệp sử dụng nhân lực trong ngành đều góp ý về việc cần nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh, đặc biệt tiếng Anh chuyên ngành. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng nêu ý kiến về vai trò của hoạt động học tập thực tế tại doanh nghiệp, tăng cường học thực hành, tổ chức thực tập tại doanh nghiệp. Vì vậy, theo các doanh nghiệp khuyến nghị nên xây dựng các học phần mới như Tiếng



Anh chuyên ngành; tổ chức các hoạt động kiến tập, học tập thực tế, thực hành tại doanh nghiệp, thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp theo hướng xen kẽ trong các năm học, ngay sau khi sinh viên được học các môn nghiệp vụ, tổ chức học kỳ doanh nghiệp.

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TS Bùi Hồng Đăng**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
**XÂY DỰNG CTĐT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TS Nguyễn Văn Ít**

**PHỤ LỤC 1.4.2**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ**

**Về việc thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết  
phải sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo**

*(Trường hợp cập nhật CTĐT)*

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Trình độ: Đại học

Thực hiện Thông báo số 68 ngày 25 tháng 1 năm 2022 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2021 - 2022 và kế hoạch chi tiết của Khoa Quản trị kinh doanh, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học đã thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo như sau:

**I. Thông tin, minh chứng**

<b>TT</b>	<b>Thông tin minh chứng</b>	<b>Nguồn gốc</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>TT</b>	<b>Thông tin minh chứng</b>	<b>Nguồn gốc</b>	
1	Phiếu khảo sát giảng viên	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
2	Bảng đối sánh các chương trình đào tạo giữa các trường đại học	Phụ lục chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh	
3	Phiếu khảo sát doanh nghiệp	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
4	Phiếu khảo sát sinh viên đang theo học	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
5	Phiếu khảo sát cựu sinh viên	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
6	Phiếu khảo sát sinh viên vừa tốt nghiệp	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
7	Phiếu khảo sát chuyên gia	Link khảo sát và phiếu khảo sát	
8	Căn cứ pháp lý Căn cứ pháp lý	Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung	

		<p>một số điều của Luật Giáo dục đại học; - Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; - Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; - Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động; - Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình giáo dục môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học; - Căn cứ Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; - Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành</p>	
--	--	---	--

		<p>Quy chế đào tạo trình độ đại học; - Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ; - Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-DCT ngày 22/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; - Căn cứ Quyết định 2212/QĐ-DCT ngày 19/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học;</p> <p>- Căn cứ Quyết định 1201/QĐ-DCT ngày 17/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) đối với sinh viên, học viên không chuyên ngành CNTT;</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-DCT ngày 05/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về</p>	
--	--	--	--

		điều kiện, quy trình, hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học và định chi tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành trình độ đại học; .....	
--	--	--	--

## II. Kết quả cụ thể

Kết quả khảo sát các bên liên quan về việc sửa đổi, cập nhật chương đào tạo ngành Quản trị kinh doanh cho thấy hầu hết các bên liên quan đều đồng ý 84,5% (93/110) với khung chương đào tạo trình ngành Quản trị kinh doanh đang áp dụng. Tuy nhiên còn 15,5% (17/110) các bên liên quan không đồng ý hoặc có ý kiến khác về chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh như sau: nên bổ sung môn Kinh tế lượng vào trong chương trình đào tạo.

Về cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

Cấu trúc các CTĐT được chia thành 3 khối kiến thức: kiến thức đại cương (32 TC), kiến thức cơ sở ngành (38TC), kiến thức ngành (51 TC).

Đánh giá về tính hợp lí của cấu trúc này, đa số (từ khoảng 80% trở lên) các bên liên quan đều đồng ý về việc phân bổ số tín chỉ như trên. Tuy nhiên, hầu hết các ý kiến đều góp ý nên giảm số lượng tín chỉ khối kiến thức đại cương và tăng lên ở số tín chỉ thực tập, thực tế vì SV tốt nghiệp cần nhiều kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu xã hội.

**Bảng 1: Đánh giá cấu trúc của chương trình đào tạo**

Ý kiến	Sinh viên		Nhà tuyển dụng		Giảng viên		Chuyên gia		Cựu sinh viên	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đồng ý	57	85,08	3	60	11	84,62	4	80	52	77,61
Không đồng ý	6	8,95	1	20	-	-	1	20	5	7,46
Ý kiến khác	4	5,97	1	20	2	15,38	-	-	10	14,92

**Bảng 2: Đánh giá tính hợp lý của chương trình đào tạo**

Tiêu chí	Chuyên gia				Sinh viên				Nhà tuyển dụng				Giảng viên				Cựu sinh viên			
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân, không chắc chắn	Không đồng ý	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân, không chắc chắn	Không đồng ý	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân, không chắc chắn	Không đồng ý	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân, không chắc chắn	Không đồng ý	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân, không chắc chắn	Không đồng ý
Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng, phù hợp với trình độ đào tạo?	4	1	-	-	58	9	-	-	4	1	-	-	11	2	-	-	15	5	-	-
Chương trình đào tạo phù hợp, linh hoạt với sinh viên đại học?	4	1	-	-	51	10	6	-	3	2	-	-	10	3	-	-	13	7	-	-
Thời lượng của chương trình đào tạo đủ để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo?	3	2	-	-	55	10	5	-	4	1	-	-	9	4	-	-	15	5	-	-
Ti lệ giữa các học phần lý thuyết và thực hành là cân đối, hợp lý?	3	1	-	1	45	13	9	-	2	1	0	2	10	2	-	1	8	9	-	3
Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng	3	1	-	1	48	8	5	6	1	1	-	3	8	3	0	2	10	5	-	5

nghề nghiệp chuyên môn của người học?	3	2	-	-	56	7	2	-	3	2	-	-	-	8	4	-	1	12	3	-	2	
Các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học trong chương trình đào tạo là hữu ích?																						



**Bảng 3: Tổng hợp một số ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo (lấy ý kiến thông qua phỏng vấn**

STT	Sinh viên	Nhà tuyển dụng	Giảng viên	Chuyên gia	Cựu sinh viên
1	Các môn đại cương nên cắt giảm và tập trung vào các môn có liên quan tới chuyên ngành về sau, có những môn học sau khi học xong sinh viên không biết áp dụng vào việc gì.	Nên yêu cầu bắt buộc sinh viên phải thực tập tối thiểu là 4-6 tháng trước khi tốt nghiệp	Giảm tải khối kiến thức đại cương	Giảm bớt phân kiến thức đại cương, để tập sở ngành và chuyên ngành	Các môn đại cương nên cắt giảm và tập trung vào các môn chuyên ngành để phục vụ cho nhu cầu công việc khi tốt nghiệp đi làm
	Giảm bớt các môn chính trị càng ít càng tốt. Hiện tại các môn này học để đối phó cho qua, không có hữu ích gì, còn lại đồng ý	Thực tập tốt nghiệp nên có nhiều tin chi hơn	Giảm bớt phân kiến thức đại cương, để tập sở ngành và chuyên ngành	Kiến thức đại cương chỉ nên chiếm khoảng từ 20 - 25% số TC của CTĐT	Giảm bớt những môn học không cần thiết như toán cao cấp
	Giảm bớt giáo dục đại cương để tăng cường môn chuyên ngành (trong đó có các môn tự chọn)	Giáo dục đại cương chỉ nên chiếm khoảng 25% số TC của CTĐT			
	Thực tập tốt nghiệp nên được tăng cường, giúp sinh viên ra trường có kinh nghiệm thực tế nhiều hơn, điều này vô cùng cần thiết cho các bạn khi bắt đầu công việc tại các công ty.				

	<p>Nên bổ sung thêm môn tự chọn, để sinh viên có thể lựa chọn được hướng đi, bổ sung kiến thức cho nghề nghiệp tương lai.</p>				
	<p>Nên đưa môn thương mại điện tử, trách nhiệm xã hội vào chương trình đào tạo</p>				

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TS Bùi Hồng Đăng**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
XÂY DỰNG CTĐT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TS Nguyễn Văn Ít**

## **PHỤ LỤC 1.5.1 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

### **Về tính hiệu quả chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đang thực hiện**

*(Trường hợp cập nhật CDR)*

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Trình độ: Đại học

Thực hiện Thông báo số 68 ngày 25 tháng 1 năm 2022 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2021 - 2022 và kế hoạch chi tiết của Khoa Quản trị kinh doanh, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ Đại học đã thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo như sau:

#### **1. Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra CTĐT**

Hệ thống CDR của Khoa QTKD có cơ sở lý luận vững chắc, có định hướng và hướng dẫn minh bạch, tạo nền tảng đáng tin cậy cho kết quả hoàn thành được, làm tiền đề cho các CTĐT được xây dựng ở giai đoạn sắp tới. CDR được hình thành trên tinh thần căn cứ sát với mục tiêu và khung chương trình dành cho cử nhân ngành QTKD, đồng thời đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ dành cho người học.

CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập

#### **2. Đánh giá về mức độ cải tiến, phát triển của chuẩn đầu ra CTĐT**

Chuẩn đầu ra CTĐT được cải tiến, phát triển đảm bảo thực hiện được mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo. Cụ thể đáp ứng mục tiêu chung là đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và có tính nhân văn; có kiến thức và kỹ năng quản trị, tương lai có thể điều hành các loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc. Đồng thời đáp ứng mục tiêu cụ thể là sau khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

#### **3. Đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT hiện có theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT <MOET>**

##### ***Đáp ứng được Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT***

- Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng.
- Mục tiêu của CTĐT hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐH CNTP TP.HCM
- CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

- Mục tiêu của CTĐT phản ánh nhu cầu của thị trường lao động

#### **4. So sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chuẩn đầu ra CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra CTĐT đang thực hiện**

So sánh kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chuẩn đầu ra CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra CTĐT đang thực hiện cho thấy:

- CDR và CTĐT được gắn kết chặt chẽ. Triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng của trường được thể hiện trong quá trình xây dựng CDR, thể hiện được sự phát triển năng lực và tính ứng dụng nghề nghiệp cho người học

- CDR được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu thị trường lao động, phát huy được nội lực của trường và đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của xã hội trên các phương diện: kiến thức, kỹ năng, thái độ của nhân lực ngành QTKD. Khắc phục tính chung chung của CDR, phân biệt được sự khác nhau giữa CDR của các ngành nghề và giữa các bậc học (đại học, sau đại học).

- Xây dựng CDR được xây dựng dựa trên cơ sở của những lý thuyết giáo dục tiên tiến nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng CDR và tính ứng dụng phục vụ quá trình phát triển CTĐT.

#### **5. Dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT**

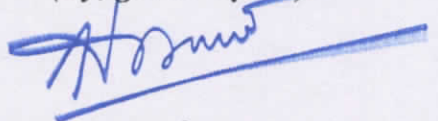
- CDR và CTĐT có sự gắn bó chặt chẽ với nhau. CDR thể hiện được đầy đủ và sâu sắc những triết lý giáo dục phù hợp hơn với xu hướng vận động của xã hội là phát triển năng lực người học và tăng tính ứng dụng nghề nghiệp

- Chất lượng CDR được nâng cao, nội dung CDR cụ thể, rõ ràng.

- Thể hiện rõ tính đặc thù nghề nghiệp và sự khác nhau giữa các bậc học, hệ đào tạo.

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*




**TS Bùi Hồng Đăng**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**XÂY DỰNG CTĐT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**TS Nguyễn Văn Ít**

**PHỤ LỤC 1.5.2**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**  
**Về tính hiệu quả chương trình đào tạo đang thực hiện**  
*(Trường hợp cập nhật CTĐT)*

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Trình độ: Đại học

Thực hiện Thông báo số 68 ngày 25 tháng 1 năm 2022 của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học năm học 2021 - 2022 và kế hoạch chi tiết của Khoa Quản trị kinh doanh, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế trình độ Đại học đã thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo như sau:

**1. Đánh giá mức độ đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định**

CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Các thông tin trong CTĐT và đề cương chi tiết từng học phần ngành QTKD được xây dựng tuân thủ các quy định của Bộ GD & ĐT, các quyết định của Trường, năng lực của Khoa QTKD. Quá trình bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, CDR và đề cương chi tiết từng học phần của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng khoa học Khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn thông qua các buổi thảo luận và hội thảo khoa học.

**2. Sự phù hợp để đánh giá CTĐT hiện có theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (hoặc bộ tiêu chí khác).**

CTĐT đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT và tiêu chuẩn MOET.

- CTĐT có đủ các nội dung, bao gồm: mục tiêu đào tạo; CDR; cấu trúc khoá học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình.

- CTĐT được xây dựng có sự đối sánh và tham chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

- Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật: tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo;...

**3. Sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, ...**

CTĐT có sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy.

**4. So sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện**

- Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.
- Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.
- Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.
- Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.
- Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.
- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.
- Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.
- Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

#### **5. Dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo**

- CTĐT và CĐR có sự gắn bó chặt chẽ với nhau. CTĐT thể hiện được đầy đủ và sâu sắc những triết lý giáo dục phù hợp hơn với xu hướng vận động của xã hội là phát triển năng lực người học và tăng tính ứng dụng nghề nghiệp
- Chất lượng CTĐT được nâng cao, nội dung CTĐT cụ thể, rõ ràng.
- Thể hiện rõ tính đặc thù nghề nghiệp và sự khác nhau giữa các bậc học, hệ đào tạo.

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TS Bùi Hồng Đăng**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
**XÂY DỰNG CTĐT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TS Nguyễn Văn Ít**

**PHỤ LỤC 1.6.1.**  
**BÁO CÁO CHI TIẾT NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT**  
**CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Trình độ: Đại học

Thực hiện theo Quyết định số 161/QĐ-DCT ngày 22/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo báo cáo chi tiết về những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo, như sau:

**1. Về số lượng chuẩn đầu ra**

Số lượng chuẩn đầu ra không thay đổi. Chương trình đào tạo có 15 chuẩn đầu ra (PLO), được chia thành ba nhóm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

**2. Về nội dung chuẩn đầu ra**

Nội dung chuẩn đầu ra hầu hết được giữ nguyên. Chi điều chỉnh từ ngữ để diễn đạt nội dung của các PLO.x.y được rõ ràng hơn. Cụ thể, điều chỉnh từ ngữ của các PLO, tăng TĐNL của PLO1.1 từ 3 lên 4. Chi tiết trong bảng bên dưới:

Ký hiệu	Nội dung thay đổi
a	Không thay đổi
PLO1	Không thay đổi
PLO1.1	<b>Điều chỉnh từ ngữ, TĐNL tăng từ 3 lên 4</b>
PLO1.2	Điều chỉnh từ ngữ
PLO2	Không thay đổi
PLO2.1	Không thay đổi
PLO2.2	Không thay đổi
PLO2.3	Không thay đổi
PLO3	Không thay đổi
PLO3.1	Không thay đổi
PLO3.2	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
PLO4	Không thay đổi
PLO4.1	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
PLO4.2	Không thay đổi
PLO5	Không thay đổi
PLO5.1	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
b	Không thay đổi
PLO6	Không thay đổi
PLO6.1	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
PLO6.2	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
PLO6.3	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>

<b>Ký hiệu</b>	<b>Nội dung thay đổi</b>
PLO7	Không thay đổi
PLO7.1	Không thay đổi
PLO7.2	Không thay đổi
PLO8	Không thay đổi
PLO8.1	Không thay đổi
PLO8.2	Không thay đổi
PLO9	Không thay đổi
PLO9.1	Không thay đổi
PLO9.2	Không thay đổi
PLO10	<b>Điều chỉnh từ ngữ</b>
PLO10.1	Không thay đổi
PLO11	Không thay đổi
PLO11.1	Không thay đổi
PLO11.2	Không thay đổi
c	Không thay đổi
PLO12	Không thay đổi
PLO12.1	Không thay đổi
PLO12.2	Không thay đổi
PLO13	Không thay đổi
PLO13.1	Không thay đổi
PLO14	Không thay đổi
PLO14.1	Không thay đổi
PLO15	Không thay đổi
PLO15.1	Không thay đổi
PLO15.2	Không thay đổi
PLO15.3	Không thay đổi

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bùi Hồng Đăng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
**XÂY DỰNG CTĐT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



## PHỤ LỤC 1.6.2. BÁO CÁO CHI TIẾT VỀ NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành: Quản trị kinh doanh

Hệ đào tạo: Đại học

Thực hiện theo Quyết định số 161/QĐ-DCT ngày 22/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo báo cáo chi tiết về những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo, như sau:

### 1. Về chương trình đào tạo tổng thể

#### 1.1. Mục tiêu đào tạo

TT	Chương trình cũ	Chương trình mới	Những cập nhật, thay đổi
<b>Mục tiêu chung</b>			
	Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và có tính nhân văn; có kiến thức và kỹ năng quản trị, tương lai có thể điều hành các loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.	Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh theo hướng ứng dụng phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của trường; có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm xã hội; nắm vững những kiến thức khoa học về quản lý kinh tế, xã hội...; có kiến thức và kỹ năng quản trị, tương lai có thể tham gia quản trị, điều hành các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
<b>Mục tiêu cụ thể</b>			
	<i>Sau khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</i>	Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt

<p><b>a. Kiến thức</b></p> <p>Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong quá trình phân tích và đánh giá chuyên môn về quản trị bán hàng, kinh doanh xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực vào trong các tổ chức.</p>	<p><b>a. Kiến thức</b></p> <p>Hiểu và vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội... trong quá trình hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn về quản trị bán hàng, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực... trong các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.</p>	
<p><b>b. Kỹ năng</b></p> <p>Được trang bị đầy đủ các kỹ năng quản trị cơ bản; sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc; giao dịch và đàm phán được bằng tiếng Anh với đối tác; sử dụng được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trong công việc.</p>	<p><b>b. Kỹ năng</b></p> <p>Được trang bị đầy đủ các kỹ năng quản trị cơ bản, như: kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả...; sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trong công việc; có thể sử dụng được các phần mềm hỗ trợ quản lý và có thể đàm phán được bằng tiếng Anh trong công việc.</p>	
<p><b>c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>Tuân thủ quy định pháp luật và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và xã hội; luôn trung thực và sẵn sàng chịu trách nhiệm công việc trước tập thể; duy trì tác phong công nghiệp, có thể làm việc độc lập và theo nhóm;</p>	<p><b>c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>Tuân thủ quy định pháp luật và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và xã hội; luôn trung thực và sẵn sàng tự chịu trách nhiệm trong công việc trước tập thể; duy trì tác phong công nghiệp, có thể làm việc độc lập và theo nhóm;</p>	<p>Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt</p>

không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn để thích ứng với môi trường làm việc; có động lực và khát khao trở thành nhà quản trị.	không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn để thích ứng với môi trường làm việc; có động lực và khát khao trở thành nhà quản trị.	
---	---	--

Bảng 1.1. Những cập nhật thay đổi trong Mục tiêu

## 1.2 Chuẩn đầu ra

TT	Chương trình cũ	Chương trình mới			Những cập nhật, thay đổi
<b>a.KIẾN THỨC</b>					
Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐ NL	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐ NL	
PLO1	Vận dụng vững chắc, kiến thức chuyên môn ngành quản trị kinh doanh trong các tổ chức	5	Vận dụng vững chắc, kiến thức chuyên môn ngành quản trị kinh doanh trong các tổ chức	5	không thay đổi
PLO1.1	Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên	3	Hiểu và vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về quản lý kinh tế, xã hội... trong quản trị các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.	4	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt PLO1.1 và tăng TĐNL từ 3 lên 4.
PLO1.2	Phân tích và vận dụng các kiến thức bán hàng, kinh doanh xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực vào thực tiễn và có khả năng trở thành nhà quản trị trong tương lai	5	Phân tích và vận dụng được các kiến thức quản trị trong hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn quản trị bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực, chất lượng... vào thực tiễn và có khả năng trở thành nhà quản trị trong tương lai	5	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
PLO2	Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội, khoa	3	Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội, khoa	3	

	<b>học chính trị và pháp luật</b>		<b>học chính trị và pháp luật</b>		
PLO2.1	Áp dụng các vấn đề về an ninh quốc phòng, chủ động tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần	3	Áp dụng các vấn đề về an ninh quốc phòng, chủ động tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần	3	không thay đổi
PLO2.2	Áp dụng các vấn đề cơ bản khoa học chính trị và pháp luật	3	Áp dụng các vấn đề cơ bản khoa học chính trị và pháp luật	3	không thay đổi
PLO2.3	Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội	3	Áp dụng các vấn đề khoa học xã hội	3	không thay đổi
<b>PLO3</b>	<b>Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc</b>	<b>3</b>	<b>Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc</b>	<b>3</b>	không thay đổi
PLO3.1	Áp dụng các phần mềm vi tính văn phòng của Microsoft office	3	Áp dụng các phần mềm vi tính văn phòng của Microsoft office	3	không thay đổi
PLO3.2	Áp dụng các phần mềm SPSS trong phân tích dữ liệu xã hội học, ứng dụng internet trong tiếp thị	3	Áp dụng các phần mềm SPSS trong phân tích dữ liệu kinh tế, xã hội học, ứng dụng internet trong tiếp thị, marketing	3	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
<b>PLO4</b>	<b>Xây dựng kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>4</b>	<b>Xây dựng kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>4</b>	không thay đổi
PLO4.1	Phân tích các hoạt động kinh doanh liên quan tài chính, kế toán, giám sát và quản lý các hoạt động quản lý sản xuất đảm bảo chất lượng	4	Phân tích và đánh giá được các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan (tài chính, kế toán...); giám sát và quản lý được các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng, hiệu quả	4	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
PLO4.2	Xây dựng chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh và quản lý các	4	Xây dựng chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh và quản lý các mối quan	4	không thay đổi

	mối quan hệ bên trong và ngoài tổ chức		hệ bên trong và ngoài tổ chức		
<b>PLO5</b>	<b>Áp dụng các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn</b>	<b>3</b>	<b>Áp dụng các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn</b>	<b>3</b>	không thay đổi
PLO5.1	Áp dụng các kiến thức cơ bản trong môi trường kinh doanh liên quan vấn đề quản trị, tiếp thị, kế toán, tài chính, tiền tệ, các dữ liệu thống kê ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành các hoạt bán hàng, tiếp thị, kinh doanh xuất nhập khẩu.	3	Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong quản lý tài chính kế toán, tiền tệ, các dữ liệu thống kê ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực...	3	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt

#### **b. KỸ NĂNG**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>TĐ NL</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>TĐ NL</b>	
<b>PLO6</b>	<b>Kết hợp các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong ngành quản trị kinh doanh</b>	<b>4</b>	<b>Kết hợp các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong ngành quản trị kinh doanh</b>	<b>4</b>	không thay đổi
PLO6.1	Hình thành năng lực của người bán hàng qua quá trình kết hợp các kỹ năng cơ bản trong bán hàng, đàm phán, phân tích hành vi	4	Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý, điều hành, giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt một cách hiệu quả trong công việc	4	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
PLO6.2	Quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, giao nhận, trao đổi giao thương	4	Phân tích và đánh giá hiệu quả chuyên môn bán hàng, sản xuất, xuất nhập khẩu, tiếp thị, nhân lực...	4	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
PLO6.3	Thiết kế và quản lý các hoạt động liên quan nghiên cứu và tiếp thị trong kinh doanh	4	Thiết kế và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh	4	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
<b>PLO7</b>	<b>Thể hiện kỹ năng giao tiếp, quản lý,</b>	<b>3</b>	<b>Thể hiện kỹ năng giao tiếp, quản lý, sáng tạo,</b>	<b>3</b>	không thay đổi

	<b>sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.</b>		<b>thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.</b>		
PLO7.1	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quản lý nhằm thích ứng với sự thay đổi hành vi liên quan trong tổ chức	3	Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quản lý nhằm thích ứng với sự thay đổi hành vi liên quan trong tổ chức	3	không thay đổi
PLO7.2	Tạo lập doanh nghiệp theo hướng sáng tạo, đổi mới thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh	3	Tạo lập doanh nghiệp theo hướng sáng tạo, đổi mới thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh	3	không thay đổi
PLO8	<b>Hình thành kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi</b>	3	<b>Hình thành kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi</b>	3	không thay đổi
PLO8.1	Kết hợp các kiến thức khoa học, tự nhiên xã hội phù hợp để giải thích các vấn đề cơ bản	3	Kết hợp các kiến thức khoa học, tự nhiên xã hội phù hợp để giải thích các vấn đề cơ bản	3	không thay đổi
PLO8.2	Phát triển các kỹ năng cơ bản trong ngành để phân tích, đánh giá các chiến lược, kế hoạch thay thế nhằm đáp ứng với sự thay đổi của điều kiện môi trường	3	Phát triển các kỹ năng cơ bản trong ngành để phân tích, đánh giá các chiến lược, kế hoạch thay thế nhằm đáp ứng với sự thay đổi của điều kiện môi trường	3	không thay đổi
PLO9	<b>Thể hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</b>	3	<b>Thể hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm</b>	3	không thay đổi
PLO9.1	Đề ra chiến lược, đặt mục tiêu, lên kế hoạch, kiểm tra, đánh giá mức	3	Đề ra chiến lược, đặt mục tiêu, lên kế hoạch, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn	3	không thay đổi

	độ hoàn thành công việc của từng thành viên, và của nhóm		thành công việc của từng thành viên, và của nhóm		
PLO9.2	Xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá và chế độ khen thưởng, đào tạo, tái đào tạo...	3	Xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá và chế độ khen thưởng, đào tạo, tái đào tạo...	3	không thay đổi
PLO10	<b>Phát triển khả năng truyền đạt vấn đề và đề xuất giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ bán hàng, kinh doanh xuất nhập khẩu, tiếp thị hoặc nhiệm vụ phức tạp</b>	3	<b>Phát triển khả năng truyền đạt vấn đề và đề xuất giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ bán hàng, kinh doanh xuất nhập khẩu, tiếp thị hoặc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh phức tạp</b>	3	Điều chỉnh từ ngữ diễn đạt
PLO10.1	Thể hiện năng lực thuyết trình và chuyển tải thông tin tốt đến các tổ chức qua kỹ năng giao tiếp, giao dịch trực tiếp hoặc qua truyền thông đa phương tiện	3	Thể hiện năng lực thuyết trình và chuyển tải thông tin tốt đến các tổ chức qua kỹ năng giao tiếp, giao dịch trực tiếp hoặc qua truyền thông đa phương tiện	3	không thay đổi
PLO11	<b>Áp dụng thành thạo kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam</b>	4	<b>Áp dụng thành thạo kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam</b>	4	không thay đổi
PLO11.1	Áp dụng kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ ngoại ngữ bậc 3/6	3	Áp dụng kỹ năng cơ bản tiếng Anh đạt mức trình độ ngoại ngữ bậc 3/6	3	không thay đổi
PLO11.2	Thể hiện khả năng giao tiếp, đọc và dịch được tài liệu tiếng Anh trong	4	Thể hiện khả năng giao tiếp, đọc và dịch được tài liệu tiếng Anh trong công việc và nghiên cứu	4	không thay đổi

	công việc và nghiên cứu				
<b>C. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM</b>					
<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>TĐ NL</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>TĐ NL</b>	
PLO12	<b>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</b>	4	<b>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</b>	4	không thay đổi
PLO12.1	Làm việc độc lập hoặc nhóm, sáng tạo trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc khi được cấp trên phân công	4	Làm việc độc lập hoặc nhóm, sáng tạo trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc khi được cấp trên phân công	4	không thay đổi
PLO12.2	Sẵn sàng chịu trách nhiệm trước tập thể đối với kết quả thực hiện công việc được giao	3	Sẵn sàng chịu trách nhiệm trước tập thể đối với kết quả thực hiện công việc được giao	3	không thay đổi
PLO13	<b>Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được giao</b>	3	<b>Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được giao</b>	3	không thay đổi
PLO13.1	Thực hiện đào tạo, huấn luyện, giám sát công việc các thành viên trong nhóm	3	Thực hiện đào tạo, huấn luyện, giám sát công việc các thành viên trong nhóm	3	không thay đổi
PLO14	<b>Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân</b>	4	<b>Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân</b>	4	không thay đổi
PLO14.1	Xác định định hướng chiến lược, xây dựng và thực hiện mục tiêu cá nhân, phân tích và	4	Xác định định hướng chiến lược, xây dựng và thực hiện mục tiêu cá nhân, phân tích và chứng	4	không thay đổi



	chứng minh được các luận điểm nhằm bảo vệ được quan điểm chuyên môn		minh được các luận điểm nhằm bảo vệ được quan điểm chuyên môn		
PLO15	<b>Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động</b>	5	<b>Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động</b>	5	không thay đổi
PLO15.1	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công việc chuyên môn	3	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công việc chuyên môn	3	không thay đổi
PLO15.2	Điều phối, bố trí các nguồn lực phù hợp yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong giới hạn trách nhiệm phụ trách	4	Điều phối, bố trí các nguồn lực phù hợp yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong giới hạn trách nhiệm phụ trách	4	không thay đổi
PLO15.3	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện kết quả hoạt động	5	Đánh giá và đề xuất giải pháp cải thiện kết quả hoạt động	5	không thay đổi

Bảng 1.2. Những cập nhật thay đổi trong chuẩn đầu ra

### 1.3 Khung chương trình

#### 1.3.1 Những thay đổi chung

Những thay đổi chung trong khung chương trình đào tạo được trình bày trong bảng 1.3 sau:

STT	Đề mục	Chương trình cũ	Chương trình mới	Những cập nhật, thay đổi
1	Tên chương trình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
2	Thời gian đào tạo	Chương trình được đào tạo 3.5 năm, chia thành 7 học kỳ	Chương trình được đào tạo 3,5 năm, chia thành 7 học kỳ.	Điều chỉnh chính tả

3	Tổng số tín chỉ	<b>121 tín chỉ</b>	<b>121 tín chỉ</b>	không thay đổi
4	Số tín chỉ Khối kiến thức đại cương	32 tín chỉ	32 tín chỉ	không thay đổi
5	Số tín chỉ Khối kiến thức cơ sở ngành	38 tín chỉ	38 tín chỉ	không thay đổi
6	Số tín chỉ Khối kiến thức chuyên ngành	51 tín chỉ	51 tín chỉ	không thay đổi
7	Số tín chỉ thực tập nghề nghiệp	5 tín chỉ	5 tín chỉ	không thay đổi
8	Số tín chỉ đề án tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp	8 tín chỉ	8 tín chỉ	không thay đổi
9	Số lượng các môn học <b>bắt buộc</b> Khối kiến thức đại cương	17	17	không thay đổi
10	Số lượng các môn học <b>tự chọn</b> Khối kiến thức đại cương	5	6	Bổ sung thêm một môn tự chọn là Kinh tế lượng để SV có nhiều sự lựa chọn hơn. Tổng số tín chỉ phần tự chọn vẫn giữ nguyên (7 tín chỉ)
11	Số lượng các môn học <b>bắt buộc</b> Khối kiến thức cơ sở ngành	12	12	không thay đổi
12	Số lượng các môn học <b>tự chọn</b> Khối kiến thức cơ sở ngành	5	5	không thay đổi
13	Số lượng các môn học <b>bắt buộc</b> Khối	12	12	không thay đổi

	kiến thức ngành chính			
14	Số lượng các môn học tự chọn Khối kiến thức chuyên ngành	3	3	không thay đổi
15	Số lượng tín chỉ ngành QTKD (Học kỳ doanh nghiệp)	23	23	không thay đổi

Bảng 1.3 Những thay đổi chung trong khung chương trình đào tạo

### Nhận xét:

So với chương trình cũ, chương trình mới có những điểm thay đổi nổi bật sau:

- Bổ sung thêm một môn tự chọn là Kinh tế lượng để SV có nhiều sự lựa chọn hơn. Nhưng tổng số tín chỉ vẫn giữ nguyên (7 tín chỉ)

### 1.3.2 Những thay đổi cụ thể

Nội dung điều chỉnh chương trình mới so với chương trình cũ

Nội dung	Chương trình cũ	Chương trình mới
<b>Khối lượng toàn khóa</b>		
Kiến thức giáo dục đại cương	Không có môn Kinh tế lượng	Bổ sung thêm một môn tự chọn là Kinh tế lượng để SV có nhiều sự lựa chọn hơn. Tổng số tín chỉ phần tự chọn vẫn giữ nguyên (7 tín chỉ)
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	Môn nghiên cứu thị trường số tín chỉ 3(3,0)	Môn nghiên cứu thị trường số tín chỉ 3(2,1)

## 2. Về đề cương chi tiết các học phần

- Chỉnh sửa tất cả các đề cương tổng quát theo mẫu mới, bổ sung đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong chương trình đào tạo.

- Bổ sung đề cương tổng quát, đề cương chi tiết của học phần Kinh tế lượng.

## 3. Dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

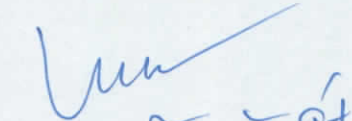
Chương trình đào tạo được chỉnh sửa, bổ sung làm rõ các nội dung, đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Bùi Hồng Đăng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
**XÂY DỰNG CTĐT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Sĩ







## MỤC LỤC

Phụ lục 1.1. căn cứ xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo .....	1
Phụ lục 1.2. Thang trình độ năng lực .....	3
Phụ lục 1.3. Đối sánh chương trình đào tạo .....	22
Phụ lục 1.4.1. Báo cáo kết quả .....	55
Phụ lục 1.4.2. Báo cáo kết quả .....	61
Phụ lục 1.5.1. Báo cáo đánh giá .....	70
Phụ lục 1.5.2. Báo cáo đánh giá .....	72
Phụ lục 1.6.1. Báo cáo chi tiết về những nội dung sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	74
Phụ lục 1.6.2. Báo cáo chi tiết về những nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo .....	76
Phụ lục 1.7. Ma trận kỹ năng .....	88



